

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

---

**NGUYỄN THỊ MAI HOA**

**HÀNH VI XIN PHÉP VÀ HỜI ĐÁP TRONG TIẾNG ANH  
VÀ TIẾNG VIỆT**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ học**

**Mã số: 62.22.02.40**

**HUẾ - 2016**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế.

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Hoàng Tất Thắng  
2. PGS.TS Trương Viên

Phản biện: .....

Phản biện: .....

Phản biện: .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Huế chấm luận án tiến sĩ họp tại .....

vào hồi            ngày            giờ            tháng            năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện trường Đại học Khoa học Huế
- Thư viện trường Đại học Huế.



## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc nghiên cứu bản chất của hành vi xin phép và hỏi đáp, cấu trúc và phương tiện thể hiện, các tác nhân quyết định hiệu quả của hành vi xin phép và hỏi đáp, nét đặc trưng văn hóa của người bản ngữ và người Việt Nam biểu lộ qua hành vi xin phép và hỏi đáp, những nét riêng của việc sử dụng hành vi xin phép và hỏi đáp trong giao tiếp của các nhóm xã hội... là một vấn đề cần thiết có thể cho thấy những nét tương đồng và khác biệt về ngôn ngữ, về tính lịch sự, về cách ứng xử văn hóa và cách thức tư duy thể hiện trong hành động ngôn từ của cả hai dân tộc. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu về hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt một cách hệ thống và toàn diện.

## 2. Đối tượng nghiên cứu

Hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt từ hai nguồn ngữ liệu là văn chương và DCT.

## 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án đặt cho mình mục đích và nhiệm vụ sau đây:

3.1. Khảo sát hành vi xin phép và hỏi đáp trên cứ liệu tiếng Anh và tiếng Việt.

3.2. Tìm hiểu những nét tương đồng và khác biệt trong cấu trúc hình thức và ngữ nghĩa của những phát ngôn dùng để thực hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt.

3.3. Phân tích ảnh hưởng của phép lịch sự đối với hành vi xin phép và hỏi đáp.

## 4. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án xác định lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ gốc và tiếng Việt làm ngôn ngữ đích, chủ yếu được nghiên cứu theo các phương pháp sau:

4.1. Phương pháp qui nạp.

4.2. Phương pháp phân tích, miêu tả.

4.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu song song.

## 5. Phạm vi nghiên cứu

Theo Eva Ogiermann (2009) hiện nay trên thế giới có 3 hướng nghiên cứu chính về hành vi lời nói sau:

1. Thông qua văn chương và báo chí.

2. Thông qua khối liệu (corpus)

3. Thông qua tình huống hội thoại (DCT)

Luận án xác định sử dụng ngữ liệu thu thập được từ các nguồn sau là đối tượng nghiên cứu chính:

- Các tác phẩm văn học, truyện ngắn Việt Nam thời kỳ trung đại và cận đại.

- Các tác phẩm, truyện ngắn tiếng Anh, song ngữ Anh - Việt.

- Một số bộ phim truyền hình Việt Nam.

- Hội thoại trong giao tiếp hàng ngày.

Như vậy, luận án đã xác định sử dụng hướng nghiên cứu 1 theo Eva Ogiermann là hướng nghiên cứu chính. Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng hướng nghiên cứu 3, sử dụng các tình huống hội thoại trên phiếu điều tra DCT.

## 6. Bố cục của luận án

Luận án ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục gồm 4 chương.

*Chương 1: Tổng quan và cơ sở lý thuyết*

*Chương 2: Hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh*

*Chương 3: Hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt*

*Chương 4: Sự tương đồng và khác biệt của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt*

## 7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

## 7.1 Ý nghĩa khoa học

Luận án đã xác định đối tượng truyền thống theo một hướng nghiên cứu hoàn toàn mới mẻ, hiện đại khi so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của đối tượng này trong tiếng Anh và tiếng Việt xét về mặt ngữ dụng học, góp thêm một góc sáng cho bức tranh toàn cảnh về các đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ dụng của các hành vi ngôn ngữ trong đó có hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt.

## 7.2 Ý nghĩa thực tiễn

1. Việc so sánh đối chiếu một hành vi ngôn ngữ (hành vi xin phép) trong hai thứ tiếng Anh và Việt có nguồn gốc văn hóa khác nhau cung cấp những chứng cứ và góp phần đưa ra những giả định về tính phổ quát và tính đặc thù của ngôn ngữ trong giao tiếp.

2. Việc nghiên cứu hành vi xin phép và hỏi đáp gắn với các yếu tố văn hóa và xã hội có thể được mở rộng để nghiên cứu các hành vi ngôn ngữ khác qua đó góp phần nghiên cứu văn hóa của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ.

3. Nâng cao hiệu quả của việc học tiếng Anh ở Việt Nam cũng như việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo hướng ngữ dụng có sự chi phối của các yếu tố văn hóa, xã hội của hai ngôn ngữ.

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

#### 1.1.1. Nước ngoài

Bằng cách phân tích các dữ liệu, Soehartono & Sianne (2003) đã tìm ra chức năng chiếm ưu thế trong hành vi xin phép và kết luận: *“Chức năng của hành vi xin phép được theo sau bởi chức năng xin lỗi để thể hiện vị thế xã hội thấp hơn của người xin phép nhằm thuyết phục người có quyền lực cao hơn.”* [80,133].

Hisae Niki của trường Đại học Meikai, Chiba và Hiroko Tajika của trường Đại học Tsudo, Tokyo Nhật Bản (1994) trong *“Asking for permission vs making requests: strategies chosen by Japanese speakers of English”* đã đưa ra một tình huống cụ thể để phân tích hành vi xin phép và hành vi yêu cầu dựa trên hai động từ *“borrow”* và *“lend”* theo các tiêu chí như khoảng cách xã hội, địa vị xã hội giữa người nói và người nghe. *“Nghiên cứu này chỉ mới chỉ dừng lại ở quan hệ giao tiếp là các thành viên trong gia đình, do đó, hạn chế của đề tài này chưa khảo sát được các hành vi xin phép trong nhiều mối quan hệ xã hội ở những môi trường giao tiếp khác nhau để có những kết luận mang tính chính xác, khách quan và thực tế hơn về cách sử dụng hành vi xin phép và yêu cầu trong tiếng Anh và tiếng Nhật”.* (Tajika & Niki, 1991; Niki, 1993)

#### 2.2. Trong nước

Lê Thị Thu Lê (2010) trong luận văn thạc sĩ *“Asking and giving permission in Vietnamese and English, a contrastive analysis”* đã đề cập đến một số động từ tình thái trong tiếng Anh dùng để thực hiện hành vi xin phép như *can, could, may*. Tuy nhiên, tác giả chỉ mới liệt kê được các cấu trúc ngữ nghĩa thường hay dùng khi thực hiện các hành vi xin phép trong tiếng Anh như *can I...?, could I...?, may I...?* và các cấu trúc tương đương trong tiếng Việt như *có thể...được không?* Tác giả chưa đi sâu tìm hiểu các cấu trúc ngữ nghĩa và ngữ dụng của hành vi xin phép trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, hành vi hỏi đáp chưa được tác giả phân tích, đối chiếu trong tiếng Anh và tiếng Việt trên bình diện ngữ nghĩa và ngữ dụng một cách triệt để.

Luận án Tiến sĩ của Đào Nguyên Phúc (2007) *“Lịch sự trong đoạn thoại xin phép của tiếng Việt”* đã đi sâu tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ hội thoại tiếng Việt nhất là đặc trưng ngôn ngữ của *“Sự kiện lời nói xin phép”* qua cách miêu tả và phân loại các dạng thức khác nhau của việc sử dụng sự kiện lời nói xin phép và các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến sự kiện lời nói xin phép trong tiếng Việt. Tuy nhiên, tác giả chỉ mới dừng lại ở

đôi tượng nghiên cứu là tiếng Việt, mà không có được sự so sánh với một ngôn ngữ nào khác để công trình nghiên cứu trở nên có chiều sâu và có giá trị hơn.

## **1.2. Lý thuyết hội thoại**

### **1.2.1. Những yếu tố trong cấu trúc hội thoại**

1. Cuộc thoại; 2. Đoạn thoại; 3. Cặp thoại; 4. Tham thoại; 5. Lướt lời

### **1.2.2. Sự kiện lời nói (Speech event)**

Có nhiều cách hiểu khác nhau về sự kiện lời nói. Trong luận án này, chúng tôi quan niệm rằng một sự kiện lời nói là một hoạt động, trong đó có những người tham gia (người giao tiếp) dùng những hành động ở lời tác động lẫn nhau nhằm đạt được mục đích nào đó. Một sự kiện lời nói được tạo ra bởi một cặp thoại trung tâm, trong cặp thoại đó đích của hành động ở lời dẫn nhập quyết định đích của hành động lời nói chứa nó. Tên gọi của hành động ở lời dẫn nhập của cặp thoại trung tâm cũng là tên gọi của sự kiện lời nói đó.

Như vậy, sự kiện lời nói là một cấu trúc bộ phận của cuộc thoại, đặc trưng bởi hành vi chủ hướng của tham thoại, chủ hướng trong cặp thoại, chủ hướng của sự kiện lời nói đó.

## **1.3. Lý thuyết hành vi ngôn ngữ**

### **1.3.1. Khái niệm hành vi ngôn ngữ**

Hành vi ngôn ngữ là các phát ngôn được thực hiện để phục vụ cho các chức năng giao tiếp. Chúng ta thực hiện một hành vi ngôn ngữ khi chúng ta muốn đưa ra một lời xin lỗi, một lời chào, một lời mời, một lời xin phép, hay một lời phản nản... Hành vi ngôn ngữ có thể chỉ được thể hiện bằng một từ như “*Sorry!*” để chỉ hành vi xin lỗi, có thể là một phát ngôn như “*We’re having some people over Saturday evening and wanted to know if you’d like to join us.*” thể hiện hành vi mời, hay “*Could I use your cell phone?*” để thể hiện hành vi xin phép.

### **1.3.2. Phân loại hành vi ở lời**

#### **1.3.2.1. Sự phân loại của Austin**

Theo J.L Austin, có 5 phạm trù hành vi ở lời: Phán xử (Verditives), Hành xử (exercitives), Cam kết (commissives), Trình bày ( expositives) và Khu xử (behabitives):

Với cách phân loại này, bản thân Austin cũng nhận thấy còn những điều không thỏa đáng: có chỗ chồng chéo, có chỗ còn mơ hồ không xác định được rõ ràng các khái niệm, các phạm trù. Có những ý kiến phê bình sự phân loại này, đặc biệt là ý kiến của Searle (1969).

#### **1.3.2.2. Sự phân loại của J. Searle**

Searle chỉ ra 11 tiêu chí phân loại hành động ngôn ngữ nhưng tác giả chỉ dùng 4 trong 11 tiêu chí để phân lập 5 loại hành vi ở lời. Năm loại hành vi ở lời được Searle phân loại là: Biểu hiện (representatives), Điều khiển (directives) (còn gọi là chi phối), Kết ước (commissives), Biểu cảm (expressives), và Tuyên bố (declarations).

Như vậy, có thể nói rằng cho đến nay những tư tưởng và đóng góp to lớn của của hai nhà ngôn ngữ học Austin và Searle đã tạo tiền đề vững chắc, là kim chỉ nam cho các nghiên cứu về lý thuyết hành vi ngôn ngữ. Trong luận án, chúng tôi sẽ chủ yếu sử dụng tiêu chí và kết quả phân loại của Searle để nhận diện và phân loại hành vi *xin phép* và *hỏi đáp* trong tiếng Anh và tiếng Việt.

### **1.3.3. Điều kiện sử dụng các hành vi ở lời**

Hành vi ở lời cũng như bất kỳ các hành vi nào khác muốn thực hiện được cần có sự thỏa mãn những điều kiện nhất định.

Austin xem các điều kiện sử dụng các hành vi ở lời là những điều kiện “*may mắn*” (fecility condition) nếu chúng được bảo đảm thì hành vi mới thành công, đạt hiệu quả. Trái lại, nếu những điều kiện đó không được bảo đảm thì hành vi mà chủ thể thực hiện sẽ thất bại. Searle sau này gọi chúng là các *điều kiện thỏa mãn*. Mỗi

hành vi ở lời có một hệ những điều kiện thỏa mãn. Mỗi điều kiện là một điều kiện cần, còn toàn bộ cả hệ là điều kiện đủ đối với một hành vi ở lời.

Tuy điều kiện sử dụng của mỗi hành vi ở lời khác nhau nhưng vẫn có thể tìm ra những cái chung trong những điều kiện riêng. Searle cho rằng có bốn loại điều kiện sử dụng hành vi ở lời sau đây.

1. *Điều kiện chuẩn bị:*

2. *Điều kiện tâm lí:*

3. *Điều kiện căn bản:*

4. *Điều kiện nội dung mệnh đề:*

Như vậy, mỗi hành vi ở lời đòi hỏi phải có một hệ những điều kiện gọi là các quy tắc để cho việc thực hiện các hành vi ngôn ngữ có hiệu quả. Việc xác định các điều kiện sử dụng các hành vi ở lời của đề tài nghiên cứu sẽ tuân theo những điều kiện sử dụng hành vi ở lời của Seale.

### **1.3.4. Phương thức thực hiện hành vi ở lời**

#### **1.3.4.1. Phát ngôn ngữ vi:**

Theo Đỗ Hữu Châu (2010) "*Phát ngôn ngữ vi là phát ngôn - sản phẩm của một hành vi ở lời nào đó khi hành vi này được thực hiện một cách trực tiếp, chân thực*". [4, 91]

Phát ngôn ngữ vi (viết tắt: PNNV) là sự hiện thực hóa một biểu thức ngữ vi trong một ngữ cảnh cụ thể. Trong thực tế chúng ta có thể gặp hai loại phát ngôn ngữ vi. Phát ngôn ngữ vi tối giản là phát ngôn ngữ vi chỉ có biểu thức ngữ vi, chẳng hạn như:

(8) *Xin phép cụ con bảo nhỏ nhà con cái này.* [114,108]

Phát ngôn này được gọi là phát ngôn ngữ vi tối giản vì trong trường hợp này chỉ có biểu thức ngữ vi "*cho con bảo nhỏ nhà con cái này*". Hay có những phát ngôn ngữ vi mở rộng, ngoài biểu thức ngữ vi còn chứa những thành phần phụ khác.

#### **1.3.4.2. Biểu thức ngữ vi:**

Trong Giáo trình "*Dại cương ngôn ngữ học*" tập II, Đỗ Hữu Châu (2010) đã định nghĩa biểu thức ngữ vi như sau: "*Biểu thức ngữ vi là những thể thức nói năng đặc trưng cho một hành vi ở lời.*" [4, 92] và "*Phát ngôn ngữ vi có một kết cấu lõi đặc trưng cho hành vi ở lời tạo ra nó. Kết cấu đó được gọi là biểu thức ngữ vi.*" [4, 91]

#### **1.3.4.3. Động từ ngữ vi:**

Trong tất cả các động từ nói năng có những động từ đặc biệt, đó là những động từ có thể được thực hiện trong chức năng ngữ vi, tức thực hiện trong chức năng ở lời. Những động từ này được gọi tên là động từ ngữ vi (performative verbs - động từ ngôn hành.) "*Động từ ngữ vi là những động từ mà khi phát âm chúng ra cùng với biểu thức ngữ vi (có khi không cần biểu thức ngữ vi đi kèm) là người nói thực hiện luôn cái hành vi ở lời do chúng biểu thị*" [4, 97] như *xin phép, cho phép, thề, cảm ơn, khuyên, trả lời...*

Nói như vậy có nghĩa là không phải bao giờ một động từ ngữ vi cũng được sử dụng trong chức năng ngữ vi. Austin cho rằng động từ ngữ vi chỉ được dùng trong chức năng ngữ vi (có hiệu lực ngữ vi) khi trong phát ngôn nó thỏa mãn hai điều kiện sau:

1. Chủ thể nói phải ở ngôi thứ nhất (người nói SP1) là I, We trong tiếng Anh và tôi, chúng tôi trong tiếng Việt. Xét hai phát ngôn sau:

(10) *Báo cáo thủ trưởng, xin thủ trưởng cho anh em nghỉ một lát.* [20, 36]

(11) *Người lính xin phép thủ trưởng cho anh em nghỉ một lát.*

Trong phát ngôn (10), động từ "*xin...cho*" được dùng trong hiệu lực ngữ vi để biểu thị một hành vi xin phép, vì chủ ngữ của phát ngôn này ở ngôi thứ nhất, còn trong phát ngôn (11), do chủ ngữ là "*Người lính*" (ngôi thứ ba) nên động từ "*xin phép*" được dùng theo lối miêu tả thông thường (kể lại một hành vi xin phép của người khác).

2. ĐTNV được dùng ở thì hiện tại (hiện tại khi phát ngôn ra hành vi ngôn ngữ), chẳng hạn trong tiếng Việt những từ, *sẽ, đang, mới, đã, rồi, chưa, chuẩn bị, vẫn ...* đi kèm động từ thì phát ngôn đó không được xem là phát ngôn ngữ vi vì động từ đó không được dùng với hiệu lực ngữ vi.

Hai điều kiện trên đây là hai điều kiện cần và đủ để cho một động từ ngữ vi được dùng đúng với chức năng ngữ vi. Nếu thiếu một trong hai điều kiện trên thì động từ xuất hiện trong phát ngôn sẽ không thể được gọi là động từ có chức năng ngữ vi.

### 1.3.5. Hành vi ngôn ngữ trực tiếp (*direct speech acts*) và hành vi ngôn ngữ gián tiếp (*indirect speech acts*)

Hành vi ngôn ngữ xét trong mối quan hệ giữa mục đích diễn đạt và hình thức diễn đạt có thể chia thành hai loại là hành vi ngôn ngữ trực tiếp và hành vi ngôn ngữ gián tiếp.

**Hành vi ngôn ngữ trực tiếp** “là hành vi được thực hiện đúng với đích ở lời và điều kiện sử dụng”; hay “là hành vi có sự tương ứng giữa cấu trúc phát ngôn trên bề mặt với hiệu lực của nó gây ra” [47, 110]. Nói cách khác, Yule (1996) cho rằng khi nào có một quan hệ trực tiếp giữa một cấu trúc và một chức năng thì chúng ta có một hành vi ngôn ngữ trực tiếp.

Như vậy, chúng tôi có thể đi đến một định nghĩa chung về hành vi ngôn ngữ trực tiếp; hành vi ngôn ngữ trực tiếp là sự nói thẳng công khai, không chứa đựng ẩn ý về một điều gì đó.

**Hành vi ngôn ngữ gián tiếp** là “hiện tượng người giao tiếp sử dụng trên bề mặt hành vi ở lời này nhưng lại nhằm hiệu quả của một hành vi ở lời khác” trong khi hành vi ngôn ngữ trực tiếp được thực hiện đúng với đích ở lời và điều kiện sử dụng, hay “là hành vi không có sự tương ứng giữa cấu trúc phát ngôn trên bề mặt với hiệu lực của nó gây ra.” [4, 146].

Hành vi ngôn ngữ gián tiếp là do Searle (1969) đặt ra. Theo ông thì “Một hành vi tại lời được thực hiện gián tiếp qua một hành vi tại lời khác được gọi là hành vi ngôn ngữ gián tiếp” [4, 151]. Yule (1996) cho rằng “chừng nào còn có mối liên hệ gián tiếp giữa cấu trúc và một chức năng thì ta có một hành động nói gián tiếp” [47, 14].

Tóm lại, hành vi ngôn ngữ gián tiếp là hành vi trong đó người nói thực hiện một hành vi ở lời này nhưng lại nhằm cho người nghe suy ra hiệu lực ở lời của một hành vi ngôn ngữ khác.

## 1.4. Hành vi xin phép và hỏi đáp

### 1.4.1. Khái niệm hành vi yêu cầu (*request*)

Hành vi yêu cầu là một hành vi thuộc nhóm điều khiển, mục đích của hành vi này là người nói yêu cầu người nghe làm một việc gì đó, thường là để đạt được mục đích của người nói.

Hành vi yêu cầu thường có nguy cơ đe dọa thể diện của người nói trong trường hợp người nghe không đồng ý, hoặc từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người nói.

(2) *Tôi yêu cầu giám đốc phải giải thích vấn đề này rõ ràng trước anh em.* [9,68]

### 1.4.2. Khái niệm hành vi xin phép

Hành vi xin phép là một hành vi ngôn ngữ mà trong những ngữ cảnh nhất định, người nói đưa ra một phát ngôn nhằm thương lượng, ngỏ ý người nghe đồng ý, cho phép người nói được thực hiện một hành động nào đó trong tương lai bằng cách tôn vinh thể diện của người nghe và tự hạ thấp thể diện của bản thân để đạt được mục đích nhất định.

### 1.4.3. Khái niệm hỏi đáp

“Chức năng ở lời hỏi đáp là chức năng ở lời của các tham thoại hỏi đáp lại chức năng ở lời dẫn nhập” [4, 330]. Có thể chia hỏi đáp thành hai nhóm:

- **Hỏi đáp tích cực** (khẳng định): là hỏi đáp thỏa mãn được đích của tham thoại dẫn nhập, thỏa mãn và đáp ứng được những nhu cầu của người nói trong tham thoại dẫn nhập. Có thể xem tham thoại xin phép dẫn nhập cùng tham thoại hỏi đáp tích cực này tạo thành một cặp thoại được ưa thích .



(3) Bà cho phép con ở lại với bé Mai tối nữa, sáng mai con về sớm.

*Thôi được, con cất đồ vào đi.[41, 78]*

- **Hồi đáp tiêu cực** (phủ định): là hồi đáp đi ngược với đích của tham thoại dẫn nhập, không thỏa mãn và không đáp ứng được những yêu cầu của người nói trong tham thoại dẫn nhập. Nó cùng với tham thoại xin phép dẫn nhập tạo thành một cặp thoại không được ưa thích.

(4) *Cháu không dám xin ngủ, chỉ xin cụ cho cháu ngồi đây một lát.*

*Không, tôi chỉ là người làm, phải hỏi bà chủ trong nhà mới được.[131,158]*

#### **1.4.4. Điều kiện sử dụng của hành vi xin phép**

1. Điều kiện chuẩn bị (Preparatory condition): H có khả năng thực hiện hành động X (H is able to perform X.)
2. Điều kiện chân thành (Sincerity condition): S muốn hay ép buộc H tiến hành X. (S wants H to do X.)
3. Điều kiện nội dung mệnh đề (Propositional content condition): S khẳng định hành động tương lai X của H. (S predicates a future act X of H.)
4. Điều kiện căn bản (Essential condition): Những tính toán của S nhằm khiến H tiến hành X. (Counts as an attempt by S to get H to do X)

Đối với hành vi xin phép, ngay khi thực hiện hành vi xin phép, người nói đã mong muốn được người nghe chấp nhận lời xin phép của mình.

#### **1.5. Nguyên tắc về lịch sự và thể diện trong hội thoại**

Trong luận án này, chúng tôi sẽ phân tích các chiến lược lịch sự và thể diện có liên quan đến hành vi xin phép và hồi đáp theo quan điểm của Brown & Levinson. Theo Brown & Levinson, trong diễn biến hội thoại, các HVNN tiềm ẩn sự đe dọa thể diện cả người nói và người nghe được gọi là hành vi đe dọa thể diện (Face Threatening Acts - FTA).

#### **1.6. Quan hệ liên cá nhân trong hội thoại**

Những quan hệ được hình thành giữa những người đối thoại với nhau được gọi là quan hệ liên cá nhân. Theo một số nhà nghiên cứu, quan hệ này có thể được xem xét trên hai trục tọa độ là: trục ngang và trục dọc.

#### **1.7. Ngôn ngữ và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa**

Ngôn ngữ và văn hóa có một mối quan hệ chặt chẽ và mật thiết. Ngôn ngữ là công cụ của văn hoá bởi vì không có ngôn ngữ thì không một hoạt động văn hoá nào có thể diễn ra được. Văn hoá chi phối mạnh mẽ mọi hành vi của con người trong xã hội trong đó có các hành vi ngôn ngữ. Ngôn ngữ cũng là một sản phẩm của văn hoá, là một thành phần có thể nói là quan trọng nhất của văn hoá.. Và, như Anna Wierzbicka (1987) đã nhận định "*văn hóa khác nhau thì ngôn ngữ khác nhau, hành vi ngôn ngữ khác nhau*".

#### **1.8 Tiểu kết**

Tóm lại, khi nghiên cứu một hành vi ngôn ngữ, chúng ta phải xét chúng một cách toàn diện trong mối liên hệ chặt chẽ với các vấn đề lý thuyết liên quan; đó chính là lý thuyết hành vi ngôn ngữ, lý thuyết về hội thoại, lý thuyết về lịch sự và thể diện và các mối quan hệ của các hành vi ngôn ngữ với văn hoá.

## **CHƯƠNG 2**

### **HÀNH VI XIN PHÉP VÀ HỒI ĐÁP TRONG TIẾNG ANH**

#### **2.1. Kết quả thống kê phân loại các cấu trúc xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh qua văn chương và phiếu câu hỏi diễn ngôn DCT**

##### **2.1.1. Kết quả thống kê phân loại các cấu trúc xin phép qua văn chương và DCT**

Kết quả thống kê phân loại trong bảng 2.1 a cho thấy trong tổng số 970 phát ngôn xin phép trong tiếng Anh qua văn chương và DCT xuất hiện rất nhiều các cấu trúc được sử dụng với những tỉ lệ khác nhau. Xuất

hiện nhiều nhất là việc sử dụng các động từ tình thái; 228 trường hợp với "Can" chiếm tỉ lệ 23.5%, 209 trường hợp với "May" chiếm 21.5 %, 150 trường hợp chiếm 15.4 % với "Could". Trong khi đó việc sử dụng động từ ngữ vi "allow" và "permit" xuất hiện với tần số rất thấp, chỉ có 16 trường hợp chiếm 1.6%. Sử dụng động từ "Let" có 33 trường hợp chiếm 3.4%, cấu trúc "Do you mind...?" xuất hiện 98 trường hợp chiếm 9.9%, cấu trúc "Would you mind...?" có 82 trường hợp chiếm 8.4%, cấu trúc "Is it Ok...?" có 72 trường hợp chiếm 7.4 % và các cấu trúc khác có 82 trường hợp chiếm 8.9%. Từ kết quả thống kê khảo sát với những tỉ lệ khác nhau giúp nhận diện rõ hơn về cách thức sử dụng các phương tiện ngôn ngữ của người Anh khi thực hiện hành vi xin phép. Như vậy, chiếm tỉ lệ cao nhất là các trường hợp sử dụng trợ động từ tình thái "Can", "Could", "May", phương thức trực tiếp với các động từ ngữ vi "allow/permit" và "let" chiếm tỉ lệ rất thấp.

Kết quả này ít nhiều cũng phản ánh được thói quen sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để xin phép trong cuộc sống sinh hoạt của người bản ngữ. Trong giao tiếp hàng ngày, người bản ngữ có thói quen sử dụng các trợ động từ "Can, Could, May" để giao tiếp với nhau, không phải chỉ trong việc hình thành các phát ngôn xin phép và hỏi đáp, mà trong nhiều loại hành vi ngôn ngữ khác như hành vi mời, hành vi cầu khiến, hành vi đề nghị.

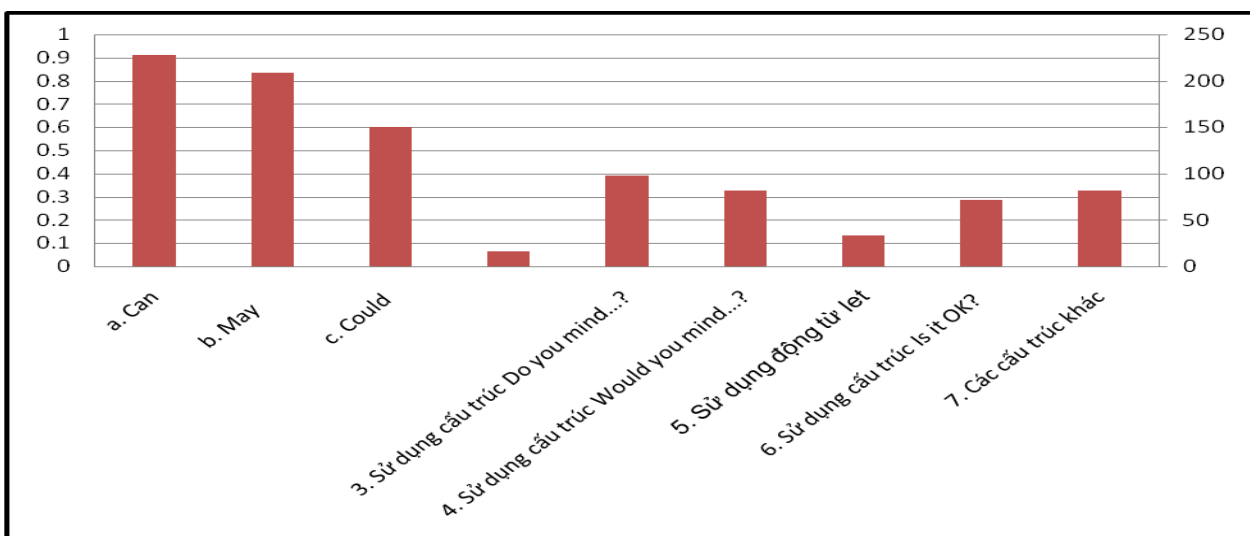
Hành vi mời: *Would you please go to the cinema with me?*

Hành vi cầu khiến: *Could you give me your name, please?*

Hành vi đề nghị: *Can you lend me some money?*

**Bảng 2.1a Bảng thống kê các cấu trúc xin phép trong tiếng Anh qua văn chương và DCT**

Các phát ngôn xin phép	Tần số xuất hiện	Tỷ lệ %
1. Sử dụng các động từ tình thái		
a. Can	228	23.5%
b. May	209	21.5%
c. Could	150	15.4%
2. Sử dụng các động từ ngữ vi allow/permit	16	1.6%
3. Sử dụng cấu trúc Do you mind...?	98	9.9%
4. Sử dụng cấu trúc Would you mind...?	82	8.4%
5. Sử dụng động từ let	33	3.4%
6. Sử dụng cấu trúc Is it OK?	72	7.4%
7. Các cấu trúc khác	82	8.9 %
<b>Tổng số</b>	<b>970</b>	<b>100%</b>



**Biểu đồ 2.1a Tỷ lệ các cấu trúc xin phép trong tiếng Anh qua văn chương và DCT**

### 2.1.2 Kết quả thống kê phân loại các cấu trúc hỏi đáp qua văn chương và DCT

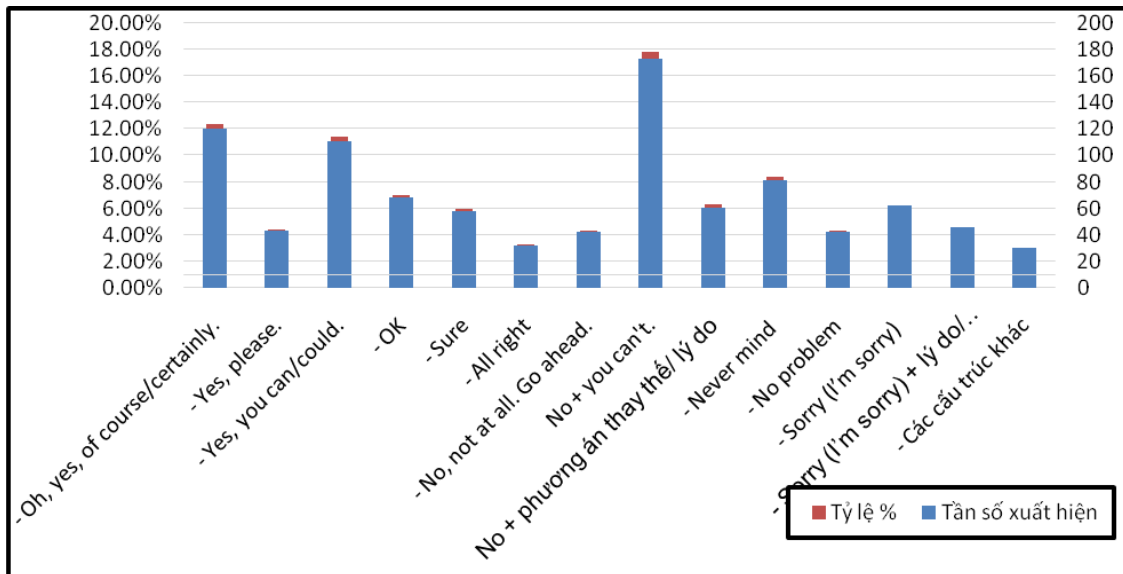
**Bảng 2.1b Bảng thống kê các cấu trúc hỏi đáp trong tiếng Anh qua văn chương và DCT**

Các phát ngôn hỏi đáp	Tần số xuất hiện	Tỷ lệ %
<b>1. Cấu trúc hỏi đáp tích cực trực tiếp:</b>		
- Oh, yes, of course/certainly.	120	12.4%
- Yes, please.	43	4.4%
- Yes, you can/could.	111	11.4%
- OK	68	7%
- Sure	58	6%
- All right	32	3.3%
- No, not at all. Go ahead.	42	4.3%
<b>2. Cấu trúc hỏi đáp tiêu cực trực tiếp:</b>		
No + you can't.	173	17.8%
No + phương án thay thế/ lý do	61	6.3%
<b>3. Cấu trúc hỏi đáp tích cực gián tiếp:</b>		
- Never mind	81	8.4%
- No problem	42	4.3%
<b>4. Cấu trúc hỏi đáp tiêu cực gián tiếp:</b>		
- Sorry (I'm sorry)	62	6,4%
- Sorry (I'm sorry) + lý do/ phương án thay thế	46	4,7%
- Các cấu trúc khác	30	3,1%
<b>Tổng số</b>	<b>970</b>	<b>100%</b>

Kết quả thống kê phân loại trong bảng 2.1 b cho thấy trong tổng số 970 phát ngôn hỏi đáp trong tiếng Anh qua văn chương và DCT xuất hiện rất nhiều cấu trúc hỏi đáp trực tiếp và gián tiếp. Trong các phương thức hỏi đáp trực tiếp có các phương thức hỏi đáp tích cực trực tiếp và tiêu cực gián tiếp với các cấu trúc đa dạng chiếm các tỉ lệ khác nhau. Xuất hiện với tần suất chiếm tỉ lệ cao nhất là cấu trúc hỏi đáp với từ trả lời "yes" ở đầu phát ngôn như "yes, of course" hay "yes, certainly" chiếm 10.5% với 102 trường hợp, "yes" đi với các trợ động từ tình thái như "yes, you can/ could/ may" có 111 trường hợp chiếm 11.4%, "yes, please" xuất hiện 43 trường hợp chiếm 11%.

Có 68 trường hợp sử dụng từ "OK" chiếm 7%, 58 trường hợp với "Sure" chiếm 6%, "All right" có 32 trường hợp chiếm 3.3% và "No, not at all. Go ahead" có 42 trường hợp chiếm 4.3%. Cấu trúc hỏi đáp tiêu cực trực tiếp chủ yếu sử dụng từ phủ định "No" ở đầu phát ngôn như "No, you can't" có 105 trường hợp chiếm 10.9%, 61 trường hợp dùng "No" chiếm 6.3%.

Với phương thức hỏi đáp tích cực gián tiếp, xuất hiện chủ yếu là cấu trúc hỏi đáp "Never mind" và "No problem". Với cấu trúc "Never mind" có 52 trường hợp chiếm 5.4%, "No problem" có 33 trường hợp chiếm 3.4%. Phương thức hỏi đáp tiêu cực gián tiếp chủ yếu sử dụng cụm từ "Sorry/ I am sorry" ở đầu phát ngôn, phương thức này có 122 trường hợp chiếm 12.6% và 87 trường hợp chiếm 9% sử dụng cụm từ "I'm sorry + lý do" để tránh sự cho phép của người nghe nhằm giảm thiểu nguy cơ đe dọa thể diện đối với người nói và gia tăng mức độ lịch sự trong hội thoại.



**Biểu đồ 2.1b Tỷ lệ các cấu trúc hồi đáp trong tiếng Anh qua văn chương và DCT**

## 2.2. Các phương thức biểu hiện trực tiếp và gián tiếp hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh

**Bảng 2.3 Các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh qua văn chương và DCT**

Các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh	Số lượng phát ngôn	Tỷ lệ
1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp	39/ 970	4%
2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp	19/970	2%
3. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực gián tiếp	10/970	1%
4. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp	46/970	4.7%
5. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp	339/970	35%
6. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp	320/970	33%
7. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tích cực gián tiếp	136/970	14%
8. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp	61/970	6.3%

Kết quả thống kê và phân loại các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hồi đáp từ ngữ liệu thu thập được trong bảng 2.3 cho thấy chỉ có 39 trong tổng số 970 phát ngôn xin phép trực tiếp và hồi đáp tích cực trực tiếp, chiếm tỷ lệ 4%, có 19/970 phát ngôn xin phép trực tiếp và hồi đáp tiêu cực trực tiếp chiếm 2%, có 46 phát ngôn xin phép trực tiếp và hồi đáp tiêu cực gián tiếp chiếm 4,7%, có 339 phát ngôn xin phép gián tiếp và hồi đáp tích cực trực tiếp chiếm 35%, có 320 phát ngôn xin phép gián tiếp và hồi đáp tiêu cực trực tiếp, chiếm 33%, có 136 phát ngôn xin phép gián tiếp và hồi đáp tích cực gián tiếp chiếm 14%. Kết quả trên cho thấy người bản ngữ rất ít khi sử dụng các phương thức trực tiếp để thực hiện các hành vi xin phép, nhưng họ lại có xu hướng sử dụng các phương thức trực tiếp để hồi đáp, để thể hiện rõ quan điểm của mình, đồng ý hay không đồng ý cho người người đối thoại thực hiện các hành vi xin phép.

### 2.3. Các nét ngữ dụng liên quan đến hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh

**Bảng 2.3 Quan hệ xã hội với các phương thức biểu hiện trong tiếng Anh qua văn chương**

Quan hệ xã hội	Phương thức biểu hiện	Phương tiện ngôn ngữ
1. Bố, mẹ - con	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực gián tiếp. 3. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 4. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp.	can, could, may, let
2. Bạn bè	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	may, can, do you mind, could you mind
3. Thầy - trò	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	could, may
4. Sếp - nhân viên	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp. 3. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	could, may

Tóm lại, trong bất cứ quan hệ xã hội nào, người bản ngữ cũng có xu hướng sử dụng các phương thức biểu hiện gián tiếp với các trợ động từ tình thái “can”, “could”, “may”. Điều đó là hợp với nét văn hóa của người phương Tây nhất là các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, người phương Tây thích lối nói gián tiếp bởi vì trong tất cả mọi hoàn cảnh giao tiếp, cách nói gián tiếp luôn luôn giữ được hòa khí, giữ được tính lịch sự trong giao tiếp, và giữ được thể diện cho cả người nói và người nghe, hay nói một cách khác là tránh gây tổn thất cho những người tham gia giao tiếp để đạt được mục đích cuối cùng là có những cuộc hội thoại thành công.

#### 2.4. Tiểu kết

Việc xây dựng khái niệm hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh dựa trên các khái niệm mang tính lý thuyết như đã trình bày trong chương 1, với hệ thống ngữ liệu đã thu thập được trong suốt quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành miêu tả và phân tích các cấu trúc của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh dưới nhiều góc độ khác nhau; cả về mặt hình thức và ngữ dụng. Kết quả thống kê các giá trị ngôn ngữ trong chương này có giá trị là một tham khảo bước đầu về những nét đặc trưng cơ bản của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh, làm cơ sở để giải quyết những vấn đề trong chương 4 khi đưa ra những nhận xét về những đặc điểm tương đồng và dị biệt của hành vi xin phép trong tiếng Anh để so sánh với hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt.

Hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh được thực hiện bằng hai phương thức; trực tiếp và gián tiếp. Với

từng phương thức khác nhau, hành vi xin phép và hồi đáp có những cách thức sử dụng khác nhau xét trên bình diện ngữ dụng học. Hành vi xin phép trực tiếp trong tiếng Anh được biểu hiện qua các động từ ngữ vi "let", "allow/ permit". Tuy nhiên, phương thức này rất ít được người Anh sử dụng. Trong cả hai nguồn ngữ liệu DCT và văn chương, chúng tôi chỉ thống kê được một vài trường hợp có sử dụng phương thức này. Hành vi xin phép gián tiếp trong tiếng Anh được biểu hiện chủ yếu qua các trợ động từ tình thái "Can", "Could", "May" hình thành nên các dạng thức nghi vấn. Hành vi hồi đáp tích cực trực tiếp được biểu hiện qua các từ như "Yes", "Sure", "Of course", "Certainly". Hành vi hồi đáp tiêu cực trực tiếp chủ yếu là cách sử dụng từ "No" đứng đầu phát ngôn hồi đáp. Hành vi hồi đáp tích cực gián tiếp là cách sử dụng các từ như "Never mind", "No problem", Hành vi hồi đáp tiêu cực gián tiếp chủ yếu là qua cụm từ "Sorry", "I'm Sorry" và rất nhiều cách thức hồi đáp tiêu cực gián tiếp khác nhau như đưa ra lý do để từ chối, đưa ra phương án thay thế, sử dụng câu hỏi tu từ v. v... Khi đó, các phát ngôn xin phép và hồi đáp sẽ tạo nên những cặp thoại như xin phép/ đồng tình; xin phép/đồng viên; xin phép/ khen; xin phép/hứa hẹn; xin phép/cảm ơn; xin phép/từ chối; xin phép/nghi ngờ; xin phép/bác bỏ... Trong đó, những cách thức hồi đáp tiêu cực thường vi phạm thể diện của người đối thoại ở những mức độ khác nhau.

### CHƯƠNG 3

#### ĐẶC ĐIỂM NGỮ DỤNG CỦA HÀNH VI XIN PHÉP VÀ HỒI ĐÁP TRONG TIẾNG VIỆT

##### 3.1 Kết quả thống kê phân loại các hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và phiếu câu hỏi diễn ngôn DCT

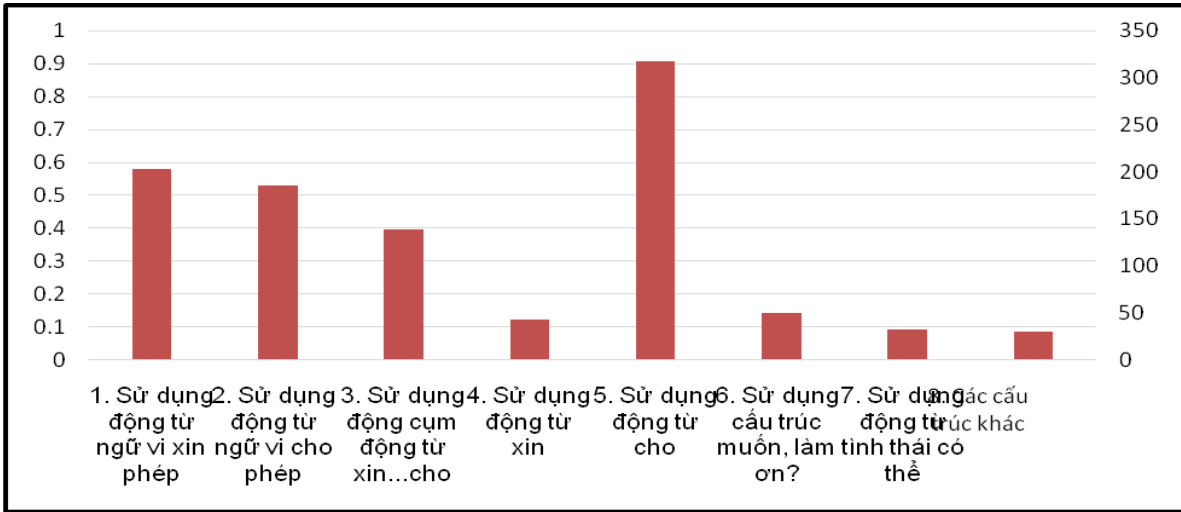
###### 3.1.1 Kết quả thống kê phân loại các cấu trúc xin phép qua văn chương và DCT

**Bảng 3.1a** Bảng thống kê các cấu trúc xin phép trong tiếng Việt qua văn chương và DCT

Các phát ngôn xin phép	Tần số xuất hiện	Tỷ lệ %
1. Sử dụng động từ ngữ vi <i>xin phép</i>	203	20,3 %
2. Sử dụng động từ ngữ vi <i>cho phép</i>	185	18,5 %
3. Sử dụng động cụm động từ <i>xin...cho</i>	139	13,9 %
4. Sử dụng động từ <i>xin</i>	43	4,3 %
5. Sử dụng động từ <i>cho</i>	317	31,7 %
6. Sử dụng cấu trúc <i>muốn, làm ơn?</i>	50	5,0 %
7. Sử dụng động từ tình thái <i>có thể</i>	33	3,3 %
8. Các cấu trúc khác	30	3,0 %
<b>Tổng số</b>	<b>1000</b>	<b>100 %</b>

Trong tổng số 1000 phát ngôn xin phép và hồi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và DCT xuất hiện rất nhiều cấu trúc sử dụng với những tỉ lệ khác nhau. Xuất hiện với tỉ lệ cao nhất là động từ ngữ vi "cho" với 317 trường hợp chiếm 31.7%.

có 185 trường hợp sử dụng động từ "cho phép" chiếm 18.5%, 139 trường hợp với cụm động từ "xin...cho" chiếm 13.9%, 43 trường hợp chiếm 4.3% với động từ "xin", Trong khi đó việc sử dụng các động từ tình thái như "có thể", "muốn", "làm ơn" xuất hiện với tần số rất thấp, chỉ có 50 trường hợp chiếm 5% với động từ tình thái "muốn", "làm ơn" và 33 trường hợp sử dụng cấu trúc "có thể" chiếm 3.3 %, 30 trường hợp còn lại chiếm tỉ lệ 3%.

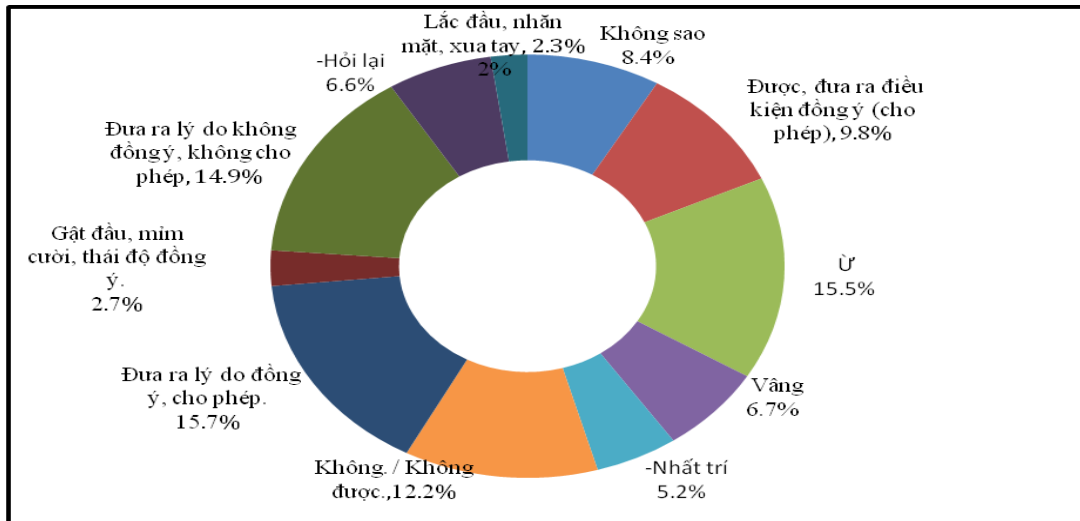


**Biểu đồ 3.1a** Tỷ lệ các cấu trúc xin phép trong tiếng Việt qua văn chương và DCT

**3.1.2. Kết quả thống kê phân loại các hành vi hồi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và DCT**

**Bảng 3.1b** Bảng thống kê các cấu trúc hồi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và DCT

Các phát ngôn hồi đáp	Tần số xuất hiện	Tỷ lệ %
<b>1. Cấu trúc hồi đáp tích cực trực tiếp:</b>		
- Không sao	84	8.4%
- Được, đưa ra điều kiện đồng ý (cho phép)	98	9.8%
- Ừ	155	15.5%
- Vâng	67	6.7%
- Nhất trí	52	5.2%
<b>2. Cấu trúc hồi đáp tiêu cực trực tiếp:</b>		
- Không. / Không được.	122	12.2%
<b>3. Cấu trúc hồi đáp tích cực gián tiếp:</b>		
- Đưa ra lý do đồng ý, cho phép.	157	15.7%
- Gật đầu, mỉm cười, thái độ đồng ý.	27	2.7%
<b>4. Cấu trúc hồi đáp tiêu cực gián tiếp:</b>		
- Đưa ra lý do không đồng ý, không cho phép.	149	14.9%
- Hồi lại	66	6.6%
- Lắc đầu, nhăn mặt, xoa tay...	23	2.3%
<b>Tổng số</b>	<b>1000</b>	<b>100%</b>



**Biểu đồ 3.1a** Tỷ lệ các cấu trúc hồi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và DCT

Trong tổng số 1000 phát ngôn hỏi đáp chúng tôi thu thập được qua văn chương và DCT, có 640 hỏi đáp tích cực trực tiếp và gián tiếp, trong đó có 456 hỏi đáp tích cực trực tiếp chiếm 45.6%, có 184 hỏi đáp tích cực gián tiếp chiếm 18.4%. Các phương thức hỏi đáp tích cực trực tiếp chủ yếu là dùng từ "Ừ" có 155 trường hợp, chiếm 15.5%, "Được" có 98 trường hợp, chiếm 9.8%. Phương thức hỏi đáp tích cực gián tiếp có 157 trường hợp đưa ra lý do đồng ý chiếm 15.7%, 27 trường hợp dùng cử chỉ như gật đầu, mỉm cười, không nói gì nhưng biểu lộ thái độ đồng ý chiếm 2.7%. Phương thức hỏi đáp tiêu cực trực tiếp và gián tiếp chúng tôi thống kê được 360 trường hợp chiếm 36%, trong đó hỏi đáp tiêu cực trực tiếp có 122 trường hợp chiếm 12.2%, chủ yếu là hỏi đáp bằng cách trả lời trực tiếp với cấu trúc "*Không. Không được*". 248 trường hợp hỏi đáp tiêu cực gián tiếp chủ yếu là đưa ra lý do không đồng ý, tỏ thái độ không đồng ý bằng cách hỏi lại để kéo dài thời gian. Hoặc từ chối bằng cách dùng ngôn ngữ cơ thể như lắc đầu, nhăn mặt, không nói gì nhưng thái độ tỏ vẻ khó chịu.

### 3.2 Các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và DCT

**Bảng 3.2 Các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt qua văn chương và DCT**

Các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt	Số lượng phát ngôn	Tỉ lệ
1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp	355/1000	35.5%
2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp	100/1000	10%
3. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tích cực gián tiếp	191/1000	19.1%
4. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp	113/1000	11.3%
5. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp	61/1000	6.1 %
6. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp	13/1000	3.6%
7. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực gián tiếp	23/1000	6.3%
8. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp	28/1000	7.7%

Kết quả thống kê và phân loại các phát ngôn xin phép và hỏi đáp từ ngữ liệu thu thập được trong bảng 3.3.2 cho thấy có 355 trong tổng số 1000 phát ngôn xin phép trực tiếp và hỏi đáp tích cực trực tiếp, chiếm tỷ lệ 35.5%. Với tỷ lệ này, có thể thấy rằng người Việt Nam có xu hướng thích sử dụng các phương thức xin phép trực tiếp và hỏi đáp tích cực trực tiếp khi thực hiện các hành vi xin phép trong giao tiếp xã hội. Kết quả cho thấy có 191/1000 phát ngôn xin phép trực tiếp và hỏi đáp tích cực trực tiếp chiếm 19.1%, có 113 phát ngôn xin phép và hỏi đáp tiêu cực gián tiếp chiếm 11.3%, có 100 phát ngôn xin phép và hỏi đáp tiêu cực trực tiếp chiếm 10%, có 61/1000 phát ngôn xin phép gián tiếp và hỏi đáp tích cực trực tiếp, chiếm 6.1%, có 36/1000 phát ngôn xin phép gián tiếp và hỏi đáp tiêu cực trực tiếp chiếm 3.6%, có 77/1000 phát ngôn xin phép gián tiếp và hỏi đáp tiêu cực gián tiếp chiếm 7.7 %.

### 3.3. Các nét ngữ dụng liên quan đến hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt

**Bảng 3.4. Quan hệ xã hội với các phương thức biểu hiện trong tiếng Việt qua văn chương**

Quan hệ xã hội	Phương thức biểu hiện	Phương tiện ngôn ngữ
1. Bố, mẹ - con	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp. 3. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	cho, cho phép, xin phép



2. Bạn bè	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp.	cho, cho phép
3. Thầy - trò	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp.	cho, xin phép, cho phép
4. Sếp - nhân viên	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp.	cho, xin phép, cho phép

### 3.4. Tiểu kết

Chương 3 đã cung cấp một bức tranh khá rõ nét, từ việc xây dựng khái niệm hành vi xin phép và hồi đáp tiếng Việt với việc sử dụng các khái niệm mang tính lý thuyết như đã trình bày trong chương 1, với hệ thống ngữ liệu đã thu thập được trong suốt quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành mô tả và phân tích các cấu trúc của hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Việt dưới nhiều góc độ khác nhau; cả về mặt hình thức và ngữ dụng. Kết quả thống kê các giá trị ngôn trung trong chương này có giá trị là một tham khảo bước đầu về những nét đặc trưng cơ bản của hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Việt.

Hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Việt được thực hiện bằng hai phương thức; trực tiếp và gián tiếp. Với từng phương thức khác nhau, hành vi xin phép và hồi đáp có những cách thức sử dụng khác nhau xét trên bình diện ngữ dụng học. Hành vi xin phép trực tiếp trong tiếng Việt được biểu hiện qua các động từ ngữ vi "cho", "cho phép", "xin phép", "xin...cho", "xin...được phép". Hành vi xin phép gián tiếp trong tiếng Việt được thực hiện chủ yếu qua các trợ động từ "có thể", "làm ơn", "muốn" hình thành nên các dạng thức nghi vấn. Hành vi hồi đáp tích cực trực tiếp được biểu hiện qua các từ như "Được", "Ừ", "Vâng", "Nhất trí", "Không sao". Hành vi hồi đáp tiêu cực trực tiếp chủ yếu là cách sử dụng từ "Không", "Không được" đứng đầu phát ngôn hồi đáp. Có rất nhiều cách thức hồi đáp tiêu cực gián tiếp khác nhau như đưa ra lý do để từ chối, đưa ra phương án thay thế, sử dụng câu hỏi tu từ v. v... Khi đó, các phát ngôn xin phép và hồi đáp sẽ tạo nên những cặp thoại như xin phép/ đồng tình; xin phép/động viên; xin phép/ khen; xin phép/hứa hẹn; xin phép/cảm thán; xin phép/từ chối; xin phép/nghi ngờ; xin phép/bác bỏ... cũng là một trong những cách hồi đáp thông minh, tế nhị mà không làm mất thể diện của người đối thoại. Trong đó, những cách thức hồi đáp tiêu cực thường vi phạm thể diện của người đối thoại ở những mức độ khác nhau. Kết quả thu được cho thấy người Việt Nam rất ít sử dụng phương thức hồi đáp tiêu cực trực tiếp vì phương thức này rất dễ làm mất thể diện của người đối thoại và những phủ định xác tín của người đối thoại sẽ làm giảm đi giá trị của người đối thoại trước con mắt của mọi người. Với lý do đảm bảo tính lịch sự trong giao tiếp, nên người Việt Nam thường sử dụng phương thức hồi đáp gián tiếp với việc huy động đa dạng các phương tiện ngôn ngữ, nhằm tạo ra một môi trường giao tiếp thoải mái, dễ chịu giữa những người tham gia hội thoại.

Kết quả nghiên cứu này có thể chỉ dẫn cho cách sử dụng hành vi xin phép và hồi đáp trong hội thoại đạt được hiệu quả giao tiếp cao với những điều kiện về hoàn cảnh thực hiện hành vi xin phép, phương thức thực hiện hành vi xin phép phù hợp tùy theo hoàn cảnh, đối tượng để thực hiện hành vi xin phép sao cho đúng lúc, đúng chỗ để đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất, cũng như cách mà chúng ta hồi đáp hành vi xin phép có thể ảnh hưởng đến thể diện dương tính của người đối thoại.

Trong chương này, chúng tôi cũng đã phân tích được cách sử dụng các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt với các mối quan hệ xã hội như bố, mẹ - con cái, bạn bè, thầy - trò, thủ trưởng - nhân viên qua các ngữ liệu từ văn chương. Với những mối quan hệ xã hội khác nhau, những vai giao tiếp khác nhau và những môi trường giao tiếp khác nhau có những phương thức thực hiện hành vi xin phép và hỏi đáp khác nhau. Chúng tôi sẽ đối chiếu, so sánh cụ thể hơn các mối quan hệ xã hội này trong chương 4 để đưa ra những nhận xét, tìm ra những điểm giống và khác nhau của người bản ngữ và người Việt trong việc sử dụng các phương thức xin phép và hỏi đáp ở những môi trường giao tiếp khác nhau.

## CHƯƠNG 4

### SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT CỦA HÀNH VI XIN PHÉP VÀ HỎI ĐÁP TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

#### 4.1. Những điểm tương đồng

##### 4.1.1 So sánh mặt nội dung của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt

- Điểm giống nhau đầu tiên mà chúng tôi muốn đề cập tới là nội dung xin phép trong tiếng Anh và tiếng Việt. Trong cả hai ngôn ngữ, hành vi xin phép đều có mục đích giống nhau là người nói S yêu cầu, xin phép người nghe H đồng ý, cho phép người nói thực hiện một hành động A.

**Bảng 4.1. Nội dung và phương tiện từ vựng dùng để xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt**

Nội dung xin phép	Phương tiện từ vựng/ cấu trúc dùng để xin phép và hỏi đáp	
	Tiếng Anh	Tiếng Việt
S xin phép người nghe H để thực hiện một hành động A	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các động từ ngữ vi "<i>allow/ permit</i>" và "<i>let</i>".</li> <li>- Các trợ động từ tình thái "<i>can, could, may, might</i>" sử dụng trong các cấu trúc nghi vấn <i>can I...?, could I...?, do you mind...? would you mind...?, do you allow...?</i></li> <li>- Sử dụng giới ngữ "<i>please</i>"</li> <li>- Sử dụng từ "<i>Yes</i>" trong hỏi tích cực trực tiếp.</li> <li>- Sử dụng từ "<i>No</i>" trong hỏi đáp tiêu cực trực tiếp.</li> <li>- Sử dụng cụm từ "<i>No problem</i>", "<i>Never mind</i>" hoặc đưa ra các lý do, điều kiện để hỏi đáp gián tiếp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các động từ ngữ vi "<i>xin phép, xin...được phép, xin...cho phép, cho</i>".</li> <li>- Sử dụng trợ động từ "<i>có thể</i>".</li> <li>- Sử dụng các từ như "<i>làm ơn, làm phúc</i>".</li> <li>- Sử dụng các từ hô ngữ như "<i>thưa, bẩm, báo cáo</i>".</li> <li>- Sử dụng các tiểu từ tình thái như "<i>thôi, nhé ạ</i>".</li> <li>- Sử dụng từ "<i>Có</i>", "<i>Vâng</i>", "<i>Ừ</i>" trong hỏi đáp tích cực trực tiếp.</li> <li>- Sử dụng từ "<i>Không</i>" trong hỏi đáp tiêu cực trực tiếp.</li> <li>- Đưa ra các lý do, điều kiện để hỏi đáp gián tiếp.</li> </ul>

- Mục đích của hành vi xin phép và hỏi đáp: Cho dù cách thể hiện có khác nhau như thế nào đi nữa về hình thức, cấu trúc, thì mục đích của hành vi xin phép trong tiếng Anh và tiếng Việt đều không khác nhau, người nói thực hiện một hành vi xin phép và mong chờ ở người nghe một hỏi đáp tích cực, cho phép người nói thực hiện hành vi xin phép của mình.

(1) *Đã 2 giờ sáng rồi, xin phép bố mẹ con tranh thủ đi nằm một lát ạ.*

Ừ. [145]

Hành vi xin phép trực tiếp của người con trong ví dụ này đã nhận được sự hồi đáp tích cực từ bố mẹ sau khi người con đã đưa ra lý do một cách thuyết phục để giải thích cho hành vi xin phép “*đi nằm một lát*” của mình là “*đã 2 giờ sáng rồi*”

(2) *Excuse me, can I get pass?*

*Sure, go ahead. [DCT]*

Trong ví dụ (2), người nói đã sử dụng cách nói gián tiếp với việc sử dụng động từ tình thái “*can*” tạo thành một cấu trúc nghi vấn để hình thành phát ngôn xin phép “*Can I get pass?*”. Sự xuất hiện của cụm từ “*Excuse me*” làm cho phát ngôn mang sắc thái lịch sự cao nhằm tôn vinh thể diện của người nghe và sự khiêm tốn của người nói khi thực hiện phát ngôn.

#### 4.1.2. So sánh mặt ngữ nghĩa của hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt

- Hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt được thể hiện theo hai phương thức trực tiếp và gián tiếp với các cấu trúc ngữ pháp giống nhau như; câu trần thuật, câu mệnh lệnh ở hình thức trực tiếp, hình thức câu bị động của các động từ ngữ vi “*cho phép*”, “*xin phép*”, “*xin...cho phép*”, “*xin*” trong tiếng Việt “*permit, allow*”, “*let*” trong tiếng Anh và các dạng câu nghi vấn ở hình thức gián tiếp.

(3) *Hàng ngày, anh cho phép chúng em được gặp anh qua điện thoại.*

*Được, anh rất sẵn sàng, có gì khó khăn, chú cứ “phone” cho anh. [118, 42]*

(4) *Good morning, sir. Could you please allow me to have a day off tomorrow?[DCT]*

- Các phát ngôn xin phép và hồi đáp thường sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất I và We trong tiếng Anh và thường có chủ ngữ là đại từ nhân xưng tôi, chúng tôi trong tiếng Việt.

- Các động từ ngữ vi “*permit, allow*” trong tiếng Anh và “*xin phép*”, “*cho phép*”, “*cho*”, “*xin...được phép*” trong tiếng Việt luôn luôn ở thì hiện tại, nếu các động từ ngôn hành này ở thì quá khứ hay một thì khác thì các phát ngôn xin phép không tồn tại ở dạng hành vi mà ở dạng câu tường thuật, trần thuật lại hành vi xin phép của ai đó.

(5) *Tôi đã xin phép anh ấy cho tôi ở đây một vài ngày nữa. [11, 108]*

Động từ ngôn hành xin phép trong ví dụ này được chia ở thì quá khứ, do đó động từ “*xin phép*” này không phải là một động từ ngôn hành, có hiệu lực ngữ vi, đây chỉ là một câu tường thuật, tường thuật lại hành vi xin phép của người nói với người nghe để được thực hiện hành vi là “*cho tôi ở đây một vài ngày nữa*”.

#### 4.1.3. So sánh mặt ngữ dụng của hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt

- Sử dụng các phương tiện giảm nhẹ:

Hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt đều thể hiện được tính lịch sự và thể diện cao cho cả người nói và người nghe. Trong tiếng Anh và tiếng Việt, hành vi xin phép và hồi đáp đều sử dụng các phương tiện giảm nhẹ (mitigating devices) hay là các phương tiện làm dịu đi hành vi xin phép, làm giảm áp lực của người nói tạo ra đối với người nghe khi thực hiện các hành vi xin phép và hồi đáp. Trong tiếng Việt, những phương tiện giảm nhẹ đó là những tiểu từ tình thái đứng đầu hoặc cuối các phát ngôn như *thôi, này, nhé, à, chớ, cứ*, là cách dùng từ xưng hô để tôn vinh thể diện cho người nói, các từ hô gọi như *chị ơi, bác ơi... hoặc các từ như làm ơn, làm phúc...*

(6) ***Lan ơi***, hôm nay xe đạp của mình bị hỏng mình chưa sửa được. Bạn có thể cho mình mượn xe đạp của bạn được không?

Ừ, bạn cứ lấy mà đi. [DCT]

Trong tiếng Anh, yếu tố giảm nhẹ là cách sử dụng thán từ “*please*” (*làm ơn*) và biểu thức “*Would you...?*”, “*Could you...?*”, “*Do you mind...?*”. Thán từ “*please*” thể hiện tính lịch sự rất cao của người Anh, đồng thời từ này còn thể hiện thiện chí, sự nhún nhường của người nói khi thực hiện các hành vi xin phép, nhằm tôn vinh

thể diện của người nghe, dẫn đến các hỏi đáp tích cực, chấp nhận các hành vi xin phép của người nói trong các tương tác hội thoại.

(7) *Can I please use your pen?*

*Not now, I'm using it. [95, 64]*

- Dùng cử chỉ:

(8) *Giá quan lớn cho phép, tôi lấy bộ cốc uống vang thì rót được nhiều hơn. Chắc quan lớn khát lắm.*

*Người Tây đoan mỉm cười: Tùy ông. [115, 43]*

## 4.2. Những điểm khác biệt

### 4.2.1. So sánh mặt ngữ nghĩa của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt

- Hầu hết những hành vi xin phép trong tiếng Anh được thể hiện theo hình thức gián tiếp. Trong khi đó, người Việt thường hay sử dụng cách nói trực tiếp với các động từ ngôn hành như “xin phép”, “cho phép”, “xin...cho phép”, “xin” để thực hiện các hành vi xin phép của mình, bản thân các động từ này trong tiếng Việt đã thể hiện được nghĩa “xin phép” do đó tính lịch sự trong cách thể hiện trực tiếp này làm cho người nghe cảm thấy cảm thấy thể diện của họ được tôn vinh, và họ dễ dàng chấp nhận các hành vi xin phép của người nói, dẫn đến các cuộc hội thoại thành công.

(9) *Tối nay bạn con tổ chức sinh nhật. Bố mẹ cho phép con về nhà muộn tí ạ.*

*Ừ, nhưng con nhớ không được về quá muộn. [DCT]*

- Tiếng Anh thường sử dụng các trợ động từ như "Can", "Could", "May" và cụm từ như "Would you mind ...?", "Do you mind...?" trong các phương thức thực hiện các hành vi xin phép gián tiếp.

### 4.2.2. So sánh mặt ngữ dụng của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt

4.2.2.1 So sánh tỉ lệ sử dụng các (trợ) động từ để thực hiện các hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt theo các nhóm xã hội từ DCT.

Qua quá trình phân tích và tổng hợp các phiếu câu hỏi diễn ngôn từ các nghiệm thể Anh - Việt và Anh - Mỹ, chúng tôi thu được kết quả như sau:

1. Quan hệ cha, mẹ - con (các tình huống 1, 2, 6):

Với các quan hệ cha mẹ - con cái, xét theo quan hệ ngang là mối quan hệ huyết thống, Việt Nam là một dân tộc thiên về lối sống gia đình, các tôn ti trật tự, thứ bậc trong gia đình luôn được tôn trọng, do đó phần lớn các nghiệm thể Việt lựa chọn phương thức xin phép trực tiếp với 52% sử dụng động từ "cho", 36% sử dụng động từ "Xin phép/ cho phép", chỉ có 12% sử dụng phương thức gián tiếp với các động từ "có thể, muốn". Đa số các nghiệm thể lựa chọn phương thức hỏi đáp trực tiếp, chỉ có 25% chọn phương thức hỏi đáp gián tiếp. Theo họ, hỏi đáp trực tiếp thể hiện rõ thái độ, quan điểm, lập trường của bố mẹ đối với con cái. Họ cho phép và không cho phép con cái làm việc gì cũng rất thẳng thắn, không vòng vo.

(10) *Mẹ cho con đi xem phim với bạn tối nay ạ.*

*Ừ, đi rồi nhớ về sớm nghe con. [DCT]*

Ngược lại, quan hệ giữa cha mẹ, con cái trong các gia đình phương Tây rất công bằng, con cái có thể tự lập và không phụ thuộc nhiều vào bố mẹ như ở các gia đình phương Đông. Trong các tình huống 1, 2, 6, các nghiệm thể Mỹ hầu như đều sử dụng phương thức gián tiếp để thực hiện các phát ngôn xin phép, 53% sử dụng "could", 20% sử dụng "can" và 27% sử dụng "may". Hành vi hỏi đáp trong mối quan hệ này được thể hiện theo 2 phương thức, 48% sử dụng phương thức trực tiếp với các từ "Yes", "No", "That's all right", "OK" và 52% sử dụng cách hỏi đáp gián tiếp như "No problem", "Never mind"

(11) *Can I go to the movie with some friends?*

*Yes, you can, just be back before 10 p.m. [DCT]*

2. Trong môi trường công sở: sếp - nhân viên (tình huống 4, 7):

Với các tình huống này, có 42% nghiệm thể Việt sử dụng động từ “cho”, 53% sử dụng động từ “xin phép”, “xin...cho phép”, chỉ có 5% sử dụng phương thức biểu hiện gián tiếp với động từ “muốn”, “có thể”. Kết quả xử lý phiếu điều tra cũng cho thấy có 31% nghiệm thể Việt sử dụng cách hỏi đáp trực tiếp và 69% sử dụng cách hỏi đáp gián tiếp. Trong khi đó có 23% nghiệm thể Mỹ sử dụng động từ tình thái “can”, 33% sử dụng động từ tình thái “could” và 22% sử dụng “may”. Ngoài ra, có 12% nghiệm thể không sử dụng các cấu trúc xin phép chúng tôi đã khảo sát mà chỉ đưa ra lý do để xin nghỉ như trong ví dụ (12).

(12) *Sir, I have a doctor's appointment tomorrow and I need the day off. It's a very important appointment and I can't miss it.*

*Sure, just let me reschedule you for another day. [DCT]*

3. Trong môi trường trường học (tình huống 5):

Kết quả khảo sát phiếu câu hỏi diễn ngôn đã cho thấy hầu hết 95% nghiệm thể người Mỹ sử dụng phát ngôn “Sorry”, hoặc “Sorry, I'm late” như là một dấu hiệu xin phép, chỉ có 5% sử dụng các động từ tình thái “may”, “can” và “could” khi hỏi đáp, có 90% nghiệm thể hỏi đáp gián tiếp với các cụm từ “no problem”, “never mind” hoặc không nói gì nhưng thái độ đồng ý hoặc có các dấu hiệu như gật đầu, vẫy tay. Trong khi đó các nghiệm thể người Việt hầu như chỉ sử dụng cách nói trực tiếp để thực hiện hành vi xin phép của mình, có 79% sử dụng động từ ngữ vi “cho”, 13% sử dụng động từ “cho phép” và “xin phép” như “Thưa cô cho em vào lớp”, “Xin phép cô cho em vào lớp.”.

(13) *I'm sorry I'm late.*

*Come in. [DCT]*

Ngoài ra, chúng tôi thấy xuất hiện một vài trường hợp đặc biệt, không thuộc các cấu trúc xin phép đã nghiên cứu trong luận án. Những trường hợp này rơi vào các tình huống 5, 7, 8, và 9.

- Tình huống 9:

Ví dụ:

*Excuse me.*

*No problem.*

Trong tình huống này, người nói không trực tiếp thực hiện hành vi xin phép là xin được vào ngồi ở ghế phía trong. Hành vi xin lỗi “Excuse me” nhưng lại có lực ngôn trung là xin phép. Người nói chỉ sử dụng cụm từ này nhưng người nghe đã hiểu được ý định của người nói là muốn xin phép người nghe để đi ngang qua.

- Tình huống 8:

Ví dụ:

*It's getting cooler outside. I'm going to open the window, OK?*

*(Bên ngoài thời tiết rất mát mẻ. Tôi sẽ mở cửa sổ nhé?)*

*Thank you.*

Bằng cách thông báo cho mọi người biết là ngoài trời không khí đã mát lên rất nhiều, người nói thông qua hành vi thông báo “It's getting cooler outside” để gián tiếp xin phép được mở cửa sổ nhưng chúng ta không thấy xuất hiện các cấu trúc xin phép. “I'm going to open the window, OK?” đã diễn tả được lực ngôn trung của phát ngôn, phát ngôn này được hiểu là một phát ngôn xin phép “Tôi xin phép được mở cửa”.

**Bảng 4.2 So sánh tỉ lệ sử dụng các (trợ) động từ để thực hiện các hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt theo các nhóm xã hội từ DCT**

Tiếng Anh	Tình huống			
	Mẹ - con (1, 2, 6)	Sếp - nhân viên (4, 7)	Thầy cô - học sinh (5)	Bạn bè (8, 9)
may	27%	22%	5%	12%
can	20%	23%	5%	51%
could	53%	33%	5%	25%
Hỏi đáp trực tiếp	48%	21%	10%	43%
Hỏi đáp gián tiếp	52%	79%	90%	57%
Tiếng Việt				
cho	52%	42%	79%	75%
Xin phép/ cho phép	36%	53%	13%	5%
Muốn, có thể	12%	5%	8%	20%
Hỏi đáp trực tiếp	75%	31%	72%	34%
Hỏi đáp gián tiếp	25%	69%	28%	66%

4.2.2.2 So sánh tỉ lệ sử dụng các phương thức thực hiện các hành vi xin phép và hỏi đáp trực tiếp và gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt với các quan hệ xã hội

**- Trong tiếng Anh**

Trong tổng số 720 phát ngôn chúng tôi thu thập được với 9 tình huống điều tra từ 40 nghiệm thể Mỹ, chỉ có 16 phát ngôn sử dụng hành vi xin phép trực tiếp - hỏi đáp tích cực trực tiếp, chiếm 2.2%, phương thức này thường được người bản ngữ sử dụng trong các tình huống giữa bạn bè với nhau. (tình huống 3, 8, 9)

(14) *Let me borrow your bike.*

*Go ahead and be back on time. [DCT]*

Kết quả cũng đã chứng minh rằng phương thức biểu hiện hành vi xin phép trực tiếp - hỏi đáp tiêu cực gián tiếp xuất hiện rất ít, chỉ có 7/720 phát ngôn chiếm 0.9%. (tình huống 8, 9)

(15) *Let me borrow your bike.*

*Next time my friend. [DCT]*

Với phương thức biểu hiện hành vi xin phép trực tiếp - hỏi đáp tích cực trực tiếp chỉ có 5 phát ngôn chiếm 0.6% và hành vi xin phép trực tiếp - hỏi đáp tiêu cực gián tiếp có 15 phát ngôn, chiếm 2.1%. Hai phương thức này được các nghiệm thể Mỹ chủ yếu sử dụng trong môi trường công sở, giữa các đồng nghiệp với nhau (tình huống 6)

(16) *Let me open the window.*

*I don't want to open the window. [DCT]*

Hầu hết các nghiệm thể Mỹ thích sử dụng phương thức biểu hiện hành vi xin phép gián tiếp - hỏi đáp tích cực trực tiếp trong các môi trường giao tiếp khác nhau, có đến 270 phát ngôn, chiếm tỉ lệ cao nhất trong tất cả các phương thức 37.5 %.

(17) *Can I stay out a little later? (Tình huống 2)*

*Yes, just make sure you call me.*

### - Trong tiếng Việt

Trong tổng số 720 phát ngôn chúng tôi thu thập được với 9 tình huống điều tra từ 40 nghiệm thể Việt, có 288 phát ngôn sử dụng phương thức biểu hiện hành vi xin phép trực tiếp và hỏi đáp tích cực trực tiếp, chiếm 40%. Có 172 phát ngôn sử dụng phương thức biểu hiện hành vi xin phép trực tiếp và hỏi đáp tiêu cực trực tiếp, chiếm 23.8%. Cả hai phương thức này được các nghiệm thể Việt sử dụng trong các tình huống 1, 2, 4, 6, 7.

(18) *Tháng tới bố mẹ cho con tổ chức sinh nhật nhé?*

*Ừ, bố mẹ đồng ý. (Tình huống 1)*

Với phương thức xin phép trực tiếp và hỏi đáp tiêu cực gián tiếp xuất hiện 104 lượt, chiếm 14.4%. Phương thức này chủ yếu rơi vào các tình huống 3, 4, 9.

(19) *Cho tớ mượn xe đạp cậu được không?(Tình huống 3)*

*Xin lỗi cậu tớ đang định đi có việc.*

Phương thức biểu hiện hành vi xin phép trực tiếp và hỏi đáp tích cực gián tiếp xuất hiện 38 phát ngôn, chiếm 5.2%, chủ yếu rơi vào các tình huống 2, 3, 4, 7.

(20) *Tối nay con có việc, xin phép bố mẹ cho con về muộn ạ. (Tình huống 2)*

*Nhớ đừng muộn quá.*

Phương thức biểu hiện hành vi xin phép gián tiếp và hỏi đáp tích cực trực tiếp có 38 trường hợp, chiếm 5.2%. Xuất hiện 18 phát ngôn sử dụng phương thức biểu hiện hành vi xin phép gián tiếp và hỏi đáp tiêu cực trực tiếp, chiếm 2.5%. Các nghiệm thể Việt chủ yếu sử dụng hai phương thức này trong các tình huống 7, 8.

(21) *Em muốn về sớm có chút việc riêng ạ. Có gì em xin tiếp thu sau.*

*Không được, đang có việc quan trọng em phải tham dự chứ.(Tình huống 7)*

Trong 720 phát ngôn, chỉ có 36 phát ngôn sử dụng phương thức biểu hiện hành vi xin phép gián tiếp và hỏi đáp tích cực gián tiếp, chiếm 5.1%. Có 26 phát ngôn sử dụng phương thức biểu hiện hành vi xin phép gián tiếp và hỏi đáp tiêu cực gián tiếp, chiếm 3.6%. Hai phương thức này được các nghiệm thể Việt sử dụng chủ yếu trong các tình huống 3, 8, 9.

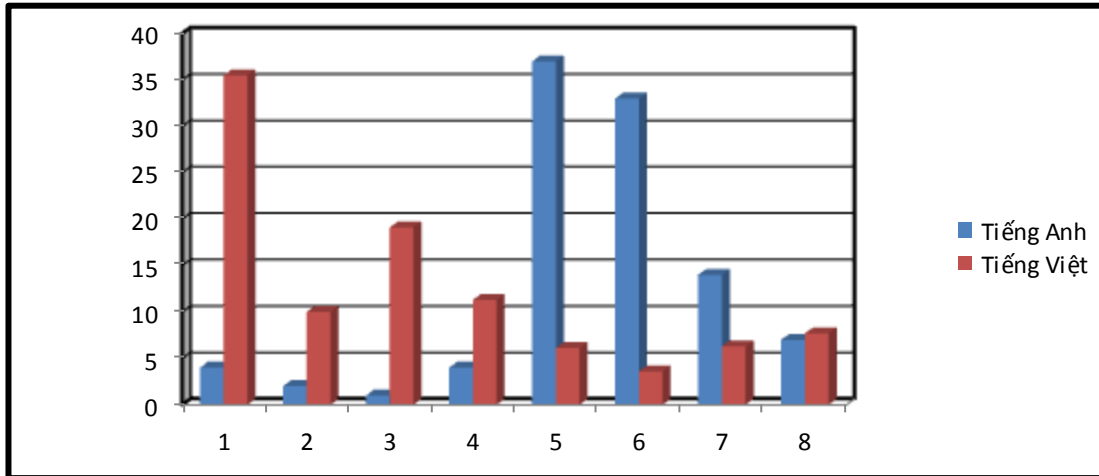
(22) *Tớ mượn xe đạp cậu tí nha. (Tình huống 3)*

*Tớ cũng không định đi đâu. Cậu cứ lấy mà đi.*

Từ bảng 2.3 và bảng 3.3, chúng tôi có biểu đồ 4.2, biểu đồ so sánh tỉ lệ các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Kết quả từ biểu đồ 4.2 một lần nữa càng khẳng định những kết luận của chúng tôi là hoàn toàn xác đáng, người bản ngữ thường sử dụng các phương thức biểu hiện hành vi phép gián tiếp và hỏi đáp trực tiếp và gián tiếp, người Việt Nam ngược lại thích sử dụng các phương thức biểu hiện hành vi xin phép trực tiếp và hỏi đáp trực tiếp và gián tiếp.

Những kết luận này là hoàn toàn phù hợp với bản sắc văn hóa Anh và Việt, người bản ngữ thiên về lịch sự âm tính “*hình thức diễn đạt theo kiểu âm tính là lịch sự, tránh gây tổn thất cho những người tham gia giao tiếp, người Việt Nam thiên về lịch sự dương tính*”. [11, 187]



**Biểu đồ 4.2 So sánh tỉ lệ các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt**

1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp
2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp
3. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực gián tiếp
4. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp
5. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp
6. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp
7. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tích cực gián tiếp
8. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp

### 4.3. Hành vi xin phép và hỏi đáp với phép lịch sự trong tiếng Anh và tiếng Việt

#### 4.3.1. Hành vi xin phép và hỏi đáp với phép lịch sự trong tiếng Anh

Xét về các hành vi xin phép trong tiếng Anh có liên quan đến vấn đề lịch sự và thể diện có thể kể đến các loại câu nghi vấn bắt đầu với cách sử dụng các trợ động từ tình thái *May, Might, Can, Could, Do you mind...? Would you mind...?*. Các trợ động từ tình thái này chính là phương tiện biểu đạt tình thái đánh dấu mức độ lịch sự cao nhất trong hành vi xin phép tiếng Anh.

Hầu hết những hành vi xin phép trong tiếng Anh được thể hiện theo hình thức gián tiếp. Vì vậy, tính lịch sự trong các hành vi xin phép trong tiếng Anh thường cao hơn trong tiếng Việt, điều đó làm cho người nghe cảm thấy thể diện của họ được tôn vinh, và họ dễ dàng chấp nhận các hành vi xin phép của người nói.

(23) *Could I be excused from the meeting early?*

*Yes, you may. [DCT]*

Ngoài ra, thán từ "*please*" còn được sử dụng thể hiện tính lịch sự rất cao của người Anh, đồng thời từ này còn thể hiện thiện chí, sự nhún nhường của người nói khi thực hiện các hành vi xin phép của người nói, đồng thời tôn vinh thể diện của người nghe, và dẫn đến các hồi đáp tích cực, chấp nhận các hành vi xin phép của người nói trong các tương tác hội thoại như trong ví dụ (59).

(24) *A: Could I please speak to you? It's important.*

*B: Never mind. [93, 36]*

#### 4.3.2. Hành vi xin phép và hỏi đáp với phép lịch sự trong tiếng Việt

- Dùng từ xưng hô

Trước hết, có thể khẳng định rằng người Việt Nam thường sử dụng các từ hô ngữ không chỉ để tôn vinh thể diện của người nghe mà còn khẳng định tính lịch sự của các hành vi xin phép và cho phép cũng như là tạo ra hiệu quả tích cực cho các hành vi giao tiếp này.



(25) *Thưa sếp, sếp cho phép chúng em được chuyển bộ máy phát điện này xuống phòng thực nghiệm.*

*Được, các cậu nhớ cẩn thận một chút. [41, 92]*

Trong cuộc thoại ở ví dụ (25) giữa người chú và người cháu, địa vị xã hội của hai người là có khoảng cách, người cháu đã đề cao thể diện của người chú, đồng thời tỏ ra hết sức tôn trọng và khiêm tốn khi thực hiện hành vi xin phép của mình với từ "*bấm*" và với cách sử dụng động từ ngữ vi "*cho phép*". Sự hồi đáp của người chú, trái lại, là một sự hồi đáp tiêu cực gián tiếp, có phần hơi lạnh lùng "*Thím không có ở đây đâu*".

- *Dùng thành phần mở rộng*

- *Thành phần mở rộng là yếu tố rào đón*

Trong giao tiếp hàng ngày, khi thực hiện các hành vi xin phép, người Việt có rất nhiều cách rào đón để làm gia tăng sự thân thiện và đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp hội thoại..

(26) *Đã nhiều năm tôi sống chết với các anh em trong cơ quan, xin phép đồng chí chủ nhiệm cho tôi được tham gia chuyển công tác đây gian khó này.*

*Đồng chí đã nói như vậy, chúng tôi hoàn toàn ủng hộ. [41, 102]*

- *Dùng các tiểu từ tình thái*

Trong tiếng Việt, các tiểu từ tình thái như "*thôi, này, nhé, à, cho, chớ, đã, cứ*" cũng là một trong những chiến lược được người Việt nam sử dụng đầu hay cuối các phát ngôn để hình thành nên các phát ngôn xin phép mang tính lịch sự cao. Với các tiểu từ tình thái khác nhau, mục đích và hiệu quả đạt được của người nói khi thực hiện các phát ngôn xin phép sẽ khác nhau.

(27) *Anh cứ để tôi nói. Tôi nói rồi có chết cũng hã anh à.*

*Con...con... [115, 94]*

Tiểu từ tình thái "*cứ*" trong trường hợp này thể hiện lời đề nghị của người nói muốn người nghe cho phép mình thực hiện một hành vi "*Anh cứ để tôi nói*" mà người nói đang muốn thực hiện.

#### 4.4. Tiểu kết

Ở chương này, chúng tôi đã tiến hành so sánh đối chiếu "*Hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt*" dưới nhiều góc độ khác nhau để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt. Hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều điểm tương đồng về cấu trúc ngữ nghĩa và ngữ dụng. Cả tiếng Anh và tiếng Việt đều sử dụng những chiến lược trực tiếp và gián tiếp với các cấu trúc ngữ pháp tương đối giống nhau.

Về mặt ngữ dụng, cả hai ngôn ngữ đều có sử dụng các phương tiện giảm nhẹ, sử dụng ngôn ngữ cơ thể, hay chỉ bằng sự im lặng để thực hiện các hành vi xin phép và hồi đáp theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực tùy theo từng trường hợp, tình huống giao tiếp cụ thể.

1. Bước đầu, chúng tôi đã khảo sát được cách sử dụng các phương thức biểu hiện trực tiếp và gián tiếp hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt qua phiếu điều tra với 9 tình huống xã hội định trước. Người bản ngữ có xu hướng sử dụng các phương thức xin phép và hồi đáp gián tiếp nhưng tùy vào từng tình huống xã hội mà họ có chiến lược sử dụng các phương tiện ngôn ngữ khác nhau để tạo ra những hiệu quả tích cực trong giao tiếp. Với các tình huống trong DCT, người bản ngữ có xu hướng sử dụng trợ động từ tình thái "*could*" trong các tình huống trang trọng, lễ nghi và tôn vinh được thể diện của người đối diện như trong tình huống 4, 7 (sếp - nhân viên) hay tình huống 5 (thầy, cô - học sinh). Với hai quan hệ xã hội mẹ - con và bạn bè, đồng nghiệp, sự lựa chọn của họ là cách dùng trợ động từ "*can*", trợ động từ này giúp cho cuộc thoại diễn ra thân mật, ít có khoảng cách giữa những người tham gia giao tiếp.

2. Về phép ứng xử lịch sự có liên quan đến hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt, chúng tôi đã từng bước phân tích mối liên quan của hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt,

những yếu tố giúp cho các phát ngôn xin phép và hỏi đáp mang tính lịch sự cao, tiếng Anh thường sử dụng chiến lược gián tiếp với các trợ động từ "*may, might, can, could*" đi với giới ngữ "*please*", trong khi người Việt Nam với truyền thống văn hóa lâu đời, lịch sự đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu được trong cách ứng xử của người Việt Nam, người Việt Nam thường có câu "*Lời nói cao hơn mâm cỗ*". Điều đó cho thấy người Việt Nam thường dùng những lời lẽ tinh tế, khiêm nhường khi thực hiện các hành vi xin phép để đạt được những kết quả khả quan, những hỏi đáp tích cực trong giao tiếp.

### KẾT LUẬN

1. Từ việc xây dựng khái niệm hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt, với việc sử dụng các khái niệm công cụ của lý thuyết hành vi ngôn ngữ và lý thuyết hội thoại, với hệ thống ngữ liệu đã thu thập được, luận án đã tiến hành mô tả cấu trúc của hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt một cách khá đầy đủ và súc tích.

2. Khảo sát những tiêu chí nhận diện cụ thể về hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt và các tiêu chí để phân loại chúng. Luận án đã miêu tả các phương tiện, phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hỏi đáp trên cơ sở hình thức biểu hiện ý định xin phép và hỏi đáp trực tiếp và gián tiếp. Hành vi xin phép và hỏi đáp trực tiếp có thành phần cốt lõi là các động từ ngôn hành như "*xin phép, cho phép, xin...cho, cho*"...trong tiếng Việt, các động từ ngôn hành như "*permit, allow, let*" trong các cấu trúc nghi vấn, mệnh lệnh hoặc bị động trong tiếng Anh. Hành vi xin phép gián tiếp bao gồm các động từ tình thái "*can, could, may, might*" và các cấu trúc nghi vấn "*Would you mind...?*", "*Do you mind...?*" trong tiếng Anh, trong tiếng Việt là cách sử dụng các từ như "*làm ơn, muốn, có thể*"...Hành vi hỏi đáp trực tiếp trong tiếng Anh bao gồm các từ như "*Yes, Yes, certainly, Of course*" biểu hiện sự đồng ý và "*No*" để từ chối. Hành vi hỏi đáp gián tiếp trong tiếng Anh bao gồm các từ "*Never mind, No problem*" thể hiện sự cho phép và đưa ra các lý do, các phương thức trì hoãn thể hiện sự từ chối, không cho phép.

3. PNNV xin phép và hỏi đáp là sự hiện thực hóa của biểu thức ngữ vi xin phép và hỏi đáp trong hội thoại. Với tư cách là một tham thoại dẫn nhập, PNNV xin phép nhận được những hỏi đáp tích cực và tiêu cực rất đa dạng, và tạo nên những cặp thoại như xin phép/ đồng tình; xin phép/động viên; xin phép/ khen; xin phép/hứa hẹn; xin phép/cảm ơn; xin phép/từ chối; xin phép/nghi ngờ; xin phép/bác bỏ...

4. Phương thức biểu hiện gián tiếp được người bản ngữ sử dụng phổ biến, trong khi người Việt Nam lại thích sử dụng phương thức biểu hiện trực tiếp để thực hiện các hành vi xin phép và hỏi đáp, đây chính là nét văn hóa khác biệt của hai dân tộc Anh và Việt. Người Anh rất lịch sự và tôn trọng thể diện của người tham gia giao tiếp, do đó họ thường chọn cách nói gián tiếp để tránh tổn thất cho người nghe, đồng thời tôn vinh thể diện cho những người tham gia giao tiếp. Trái lại, người Việt Nam thích dùng các phương thức trực tiếp để thực hiện hành vi xin phép và hỏi đáp. "*Đây là điểm khác nhau rất cơ bản bắt nguồn chủ yếu từ những khác biệt văn hóa và ngôn ngữ vốn mang nặng những nét đặc trưng khác biệt của văn hóa thiên về " cá thể - âm tính (phương Tây) và văn hóa " cộng đồng - dương tính" (phương Đông)" [11, 133]*

Theo Siriwong Hongswan (2010) [43, 202] "*Người Việt Nam thích sử dụng phương thức hỏi đáp tiêu cực gián tiếp chủ yếu là vì người Việt Nam ưa cách nói bóng gió, vòng vo (không đi vào trực tiếp vấn đề) hơn cách nói trực tiếp. Đặc điểm nổi bật nhất trong tính cách người Việt Nam là trọng tình cảm, không muốn làm mất lòng người đối thoại, hay có thể nói là không muốn làm mất mặt người đối thoại một cách trực tiếp. Cho dù là từ chối, không cho phép nhưng vẫn giữ được mối quan hệ tốt (trong nhiều trường hợp)".*

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN  
LUẬN ÁN**

1. Đặc trưng cú pháp và ngữ dụng của hành vi xin phép trong tiếng Anh và tiếng Việt - Tạp chí Khoa học và Công nghệ trường Đại học Quảng Bình số 2/ 2014.
2. Hành vi xin phép - nhìn từ góc độ lịch sự và thể diện trong tiếng Anh và tiếng Việt - Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống số 11/2015.
3. Các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hồi đáp trực tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt - Tạp chí Khoa học và Giáo dục trường ĐHSP Huế số 1/2016.
4. Speech act of asking for permission: A study of politeness strategies of English and Vietnamese - *12<sup>th</sup> Annual Cam TESOL Conference* (Hội thảo Quốc tế Cam (Campuchia) TESOL lần thứ 12). (Có thư mời báo cáo)

**MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
HUE UNIVERSITY**

-----

**NGUYEN THI MAI HOA**

**ASKING FOR PERMISSION AND RESPONSE  
IN ENGLISH AND IN VIETNAMESE**

**SUMMARY OF THE PhD DISSERTATION  
IN LINGUISTICS**

**MAOR: LINGUISTICS**

**CODE: 62. 22. 02. 40**

**HUE - 2016**

The thesis has been completed at: College of Science - Hue University..

Supervisors: 1. ASSOC. PRO.DR HOANG TAT THANG  
2. ASSOC. PRO.DR TRUONG VIEN

Examiner: .....  
.....

Examiner: .....  
.....

Examiner: .....  
.....

The dissertation will be defended before the doctoral dissertation Examining Committee in Hue University on..... 2016.

This dissertation is available found at:

- The library of College of Science.
- The library of Hue University.



## **1. Justification**

The study of the core of asking for permission and response with the structures and, the factors that decide the effect of asking and giving for permission, the typical cultural characteristics of the native and Vietnamese through this speech act, some specific characteristics of using asking and giving for permission in communicating of social groups...is a very indispensable problem to express some similarities and differences about languages, politeness, and the cultural behaviors as well as the mentality of two nations. However, until recently, no research work has dealt with this topic thoroughly.

## **2. Specific subjects of research**

Asking for permission and response in English and Vietnamese from literature and discourse completion task (DCT).

## **3. Purpose of the study**

3.1 Survey asking for permission and response in English and Vietnamese.

3.2 Find out the similarities and differences in structures and syntactics of sentences to implement the asking for permission and response English and Vietnamese.

3.3 Analyse some effect of politeness to this speech act.

## **4. Research methods**

A combination of research methods is used: analytic, descriptive and contrastive and comparative approaches

## **6. Thesis Framework**

Besides the Introduction, Conclusion, References and Appendix, the thesis has four chapters:

Chapter 1: Background and theoretical basis;

Chapter 2: Asking for permission and response in English ;

Chapter 3: Asking for permission and response in Vietnamese;

Chapter 4: The similarities and differences of asking for permission and response in English and Vietnamese.

# **CHAPTER 1**

## **OVERVIEW AND THEORY BACKGROUND**

### **1.1 Research overview**

#### **1.1.1 In the world**

By analyzing the data, Soehartono & Sianne (2003) have found a predominant function of applying behavior and concluded: "The function of the behavior is followed by applying functions to express apology lower social status of the applicant to convince the higher power. "[80.133].

Niki Hisae Meikai University, Chiba and Hiroko Tajika Tsudo University, Tokyo, Japan (1994) in "Asking for permission vs making requests: Chosen strategies by Japanese speakers of English" has given a specific situation permission behavior analysis and behavioral requirements based on two verbs "*borrow*" and "*lend*" according to criteria such as social distance, social status between the speaker and the listener. "This study only stop at communication relations are the members of the family, so the limitations of this topic has not been surveyed for permission behavior in social relationships in different environments to communicate have concluded the exact nature, objective and realistic about using behavior and ask for permission in English and Japanese. "(Tajika & Niki, 1991; Niki, 1993)

#### **1.1.2. In Vietnam**

Le Thi Thu Le (2010) in the master's thesis "Asking and giving permission in Vietnamese and English, a contrastive analysis" mentioned some modal verbs in the English language used to perform such acts can permit, could, unfortunately. However, only listed author is the semantic structure often used when performing the acts applying in English as *I can ... I ... ?*, *could I...?* and equivalent structures in Vietnamese as possible *có thể... được không?* The author is not an insight into the structure of semantic and pragmatic behavior in Vietnamese permission. Besides, responses are not authors analyze and compare them in English and Vietnamese on the level of semantics and pragmatics thoroughly.

The thesis of Dao Nguyen Phuc (2007), "*Politeness in permission dialogue of Vietnamese*" have an insight into the characteristics of Vietnamese language and voice language is characteristic of "*Facts words please allows*" over how to describe and classify the different forms of using verbal permission events and cultural factors affect verbal permission event in Vietnamese. However, the author only just stops at the object of study is Vietnamese, which did not get a comparison with other language to study in depth and become more valuable.

## **1.2 Conversation Theory**

### ***1.2.1. The structural elements of conversation***

1. Conversation
2. Dialogue
3. Folder dialog
4. Join Conversation
5. Turn words

### ***1.2.2. Speech event***

There are many different interpretations of events words. In this thesis, we perceive that an event is an active word, including those involved (communicator) using action words interact in order to achieve certain goals. A speech events generated by a pair of central voice, that voice in the destination folder of the action in Introductions to decide the destination of the action words contain it. The name of the action in the introduction to the central voice pair is also the name of the event words.

Thus, a speech event is a structured verbal part of the conversation, characterized by the behavior of all involved towards dialogue, the voice directions in pairs, the direction of events words.

## **1.3. The theory of speech acts**

### ***1.3.1. The concept of speech acts***

Speech acts as the spokesperson been made to cater to the communication functions. We performed an act of language when we want to make an apology, a greeting, an invitation, a word of permission, or a complaint ... verbal behavior can only be made in a word like "*sorry!*" to indicate acts of apology, could be a spokesperson as "*We're having some Saturday evening and wanted người over to know if you'd like to join us.* " to express an act of inviting or "*Could I use your cell phone?*" to express asking for permission.

### ***1.3.2. Classification of illocutionary acts***

#### **1.3.2.1. The classification of Austin**

According J.L Austin, there are 5 categories of behavior in words: Verditives, Exercitives, Ccommissives, Expositives and Behabitives):



With this classification, Austin also found themselves still things not satisfactory: some overlapping, ambiguous place can not be identified clearly the concepts, categories. There are criticisms of this sort, especially reviews of Searle (1969).

#### 1.3.2.2. J. Searle's classification

Searle points out 11 criteria for classification action language but the author only 4 of the 11 criteria used for isolating 5 types of behavior in words. Five types of acts in Searle replies are classified as: Representatives, directives, Commissives, Expressives (expressives), and Declarations.

Thus, we can say that so far the ideas and contributions of two great linguists Austin and Searle has created a solid premise, is the guiding principle for the study of language behavior theory . In the thesis, we will mainly use the criteria and classification results of Searle to identify and classify the behavior and responses permission in English and Vietnamese.

#### ***1.3.3. Conditions for using the illocutionary acts***

Behavior in words as well as any other acts required to be realized the satisfaction of certain conditions.

Austin see the conditions of use of the word behavior in these conditions is "lucky" (Felicity condition) if they are guaranteed the new behavior successfully and efficiently. Conversely, if these conditions are not guaranteed, that all behavior can do will fail. Searle later called them satisfactory conditions. Each word acts in a system satisfies these conditions. Each condition is a necessary condition, and the entire system is sufficient for behavior in words.

But the conditions of use of each act in different words but could still find common ones own terms. Searle said that there are four types of conditions using the following acts in words.

1. Conditions for preparation:
2. Psychological condition:
3. Basic conditions:
4. Conditions propositional content:

Thus, every act of words requires a system of control called the rules so that the implementation of language act effectively. The determination of the conditions of use of the word acts in research projects will comply with the conditions of use of the word acts in Seale.

### **1.4. The concept of asking for permission and response**

#### ***1.4.1. The concept of request***

The purpose of this behavior is the speaker requested the audience to do something, usually to achieve the purpose of the speaker.

Request can often face threats of the speaker in case the listener does not agree, or reject the request, the proposal of the speaker.

(2) I ask the director to explain the issue clearly before you. [9.68]

#### ***1.4.2. The concept of asking for permission***

Asking for permission is an act of language in certain contexts, the speaker issued a spokesperson to negotiate, offered listeners agreed, allowing the speaker to be done a certain action in the future future by honoring the listener's face and lowered themselves face their own to achieve certain goals.

#### ***1.4.3. The concept of response (giving permission)***

"The function of a response as in the words of the functions involved respond to phone functions in introductions;" [4, 330]. Responses can be divided into two groups:

- A positive response (confirmed): the response of the participating satisfying destination voice introduction, satisfy and meet the needs of the participating speakers introductory dialog. Can see taking permission dialog jointly introduction dialog positive responses form a pair of popular voice.

(3) *You allow me to stay with Mai, I leave early tomorrow morning.*

*Well, you put your case back.* [41, 78]

- A negative response (negative) response is contrary to the purpose of taking introductory dialogue, not satisfied and do not meet the requirements of the speaker in taking introductory dialog. It involved telephone with permission constitutes an introduction to voice unpopular pair.

(4) *I do not dare ask to sleep, just ask for you to sit here in a moment.*

*No, I just had to do, ask the hostess in the new home.* [131.158]

#### **1.4.4. Conditions for use of the asking for permission**

1. Conditions preparation (Preparatory condition): H capable of taking action X (H is thể thực X.)

2. Conditions sincere (Sincerity condition): S wants or coercion H conducted X. (S wants H to as X.)

3. Conditions propositional content (propositional content condition): S confirmed the future actions of H. X (S predicates a future act X of H.)

4. basic conditions (Essential condition): The calculation of S to make H conducted X. (Counts as an H by S to get to by X)

For permission behavior, even when performing acts permission, the speaker was looking forward to the audience accepted his permission.

#### **1.5. Face and politeness principles in conversations**

In this thesis, we will analyze these strategies and be courteous area-related behaviors and responses for permission in view of Brown & Levinson. According to Brown & Levinson, the conversation changes, the potential threat HVNN face both the speaker and the listener is called face-threatening behavior (Face threatening Acts - FTA).

#### **1.6. Interpersonal relations in conversations**

These relationships are formed between the different interlocutors called inter-personal relations. According to some researchers, this relationship can be considered on two axes are: horizontal axis and vertical axis.

#### **1.7. The language and the relationships between language and culture**

Language and culture have a close relationship and intimacy. Language is the tool of culture because there is no language, no cultural activity that may occur. Strong culture dominates all human behavior in society, including language acts. Language is also a product of the culture, a component can be said is the most important of the culture .. And, as Anna Wierzbicka (1987) has noted that "different cultures, the different languages, practice vi different languages ".

#### **1.8 Summary**

In summary, when studying a language act, we have to consider them in a comprehensive manner in close connection with the theoretical issues involved; it is the act of language theory, the theory of conversation, the theory of politeness and face and the relation of language acts with culture.

## CHAPTER 2

### ASKING FOR PERMISSION AND RESPONSE IN ENGLISH

#### **2.1. The results of the statistical classification structures of asking for permission and responses in English through literature and discourse DCT questionnaires**

##### ***2.1.1. The results of the statistical classification structures of asking for permission through literature and applying DCT***

Statistical classification results in Table 2.1 show that a total of 970 spokesman for permission in English through literature and DCT appeared many of the structures are used for different rates. Appears most is the use of modal verbs; 228 cases with "Can" proportion of 23.5%, 209 cases with "May" accounted for 21.5%, accounting for 15.4% of 150 cases with "Could". Meanwhile the use of dynamic word "allow" and "permit" appears with a very low frequency, only 16 cases, accounting for 1.6%. Using the verb "Let" with 33 cases, accounting for 3.4%, structure, "Do you mind ...?" appeared 98 cases accounted for 9.9%, structure "Would you mind ...?" 82 cases was 8.4%, structure "Is it OK ...?" 72 accounted for 7.4% cases and 82 other structures have accounted for 8.9% cases. From the results of statistical surveys with different ratios help identify better ways of using the medium of the English language while performing acts permission. Thus, the highest proportion of cases using modal auxiliary verb "Can", "Could", "May", the mode directly with the language of the verb "allow / permit" and "let" a very low percentage.

This result more or less reflects the habit of using the means of language to ask for permission in the daily lives of native speakers. In daily communication, native speakers have the habit of using the auxiliary verb "Can, Could, May" to communicate with each other, not only in shaping the spokesman for permission and responses, which in many other types of behavior, such as behavioral language inviting, making the bridge acts, acts of the proposal.

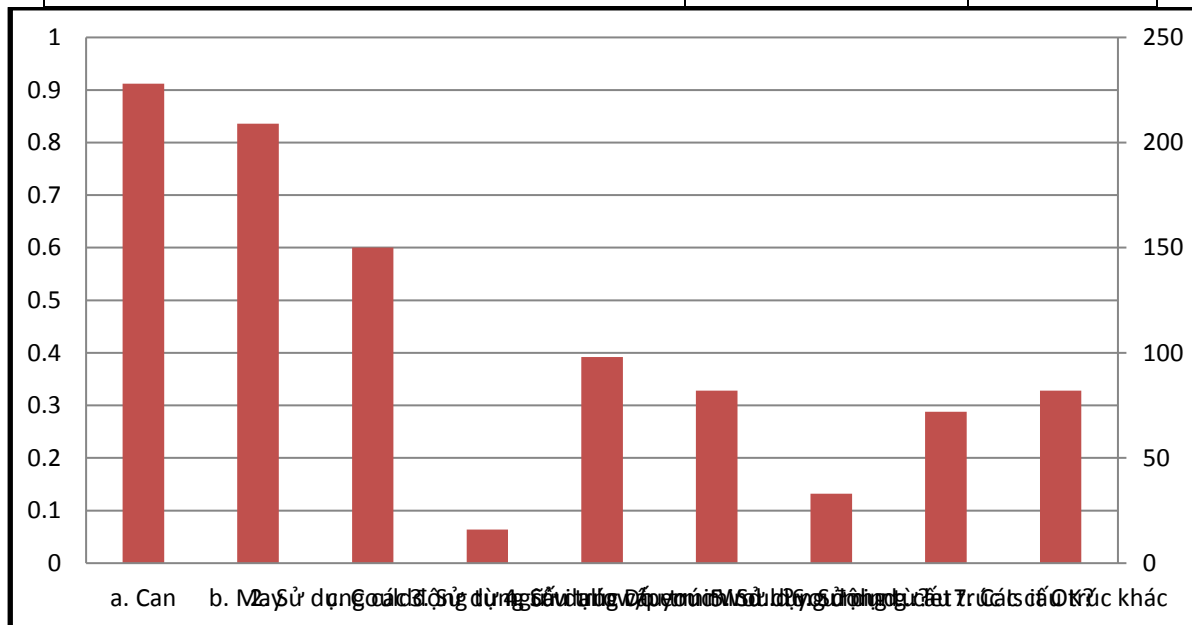
Invitation: *Would you please go to the cinema with me?*

Demand: *Could you give me your name, please?*

Request: *Can you lend me some money?*

**Table 2.1a Statistical table of asking for permission structures in English through literature and DCT**

Utterances of asking for permission	Frequency	Rate %
1. Use the modal verbs		
a. <i>Can</i>	228	23.5%
b. <i>May</i>	209	21.5%
c. <i>Could</i>	150	15.4%
2. Use the performative verbs <i>allow/permit</i>	16	1.6%
3. Use the structure <i>Do you mind...?</i>	98	9.9%
4. Use the structure <i>Would you mind...?</i>	82	8.4%
5. Use <i>let</i>	33	3.4%
6. Use the structure <i>Is it OK?</i>	72	7.4%
7. Use other the structures	82	8.9 %
<b>Total</b>	<b>970</b>	<b>100%</b>



**Chart 2.1a Percentage structures of asking for permission in English through literature and DCT**

### 2.1.2 Results of the statistical classification structure through literary response and DCT

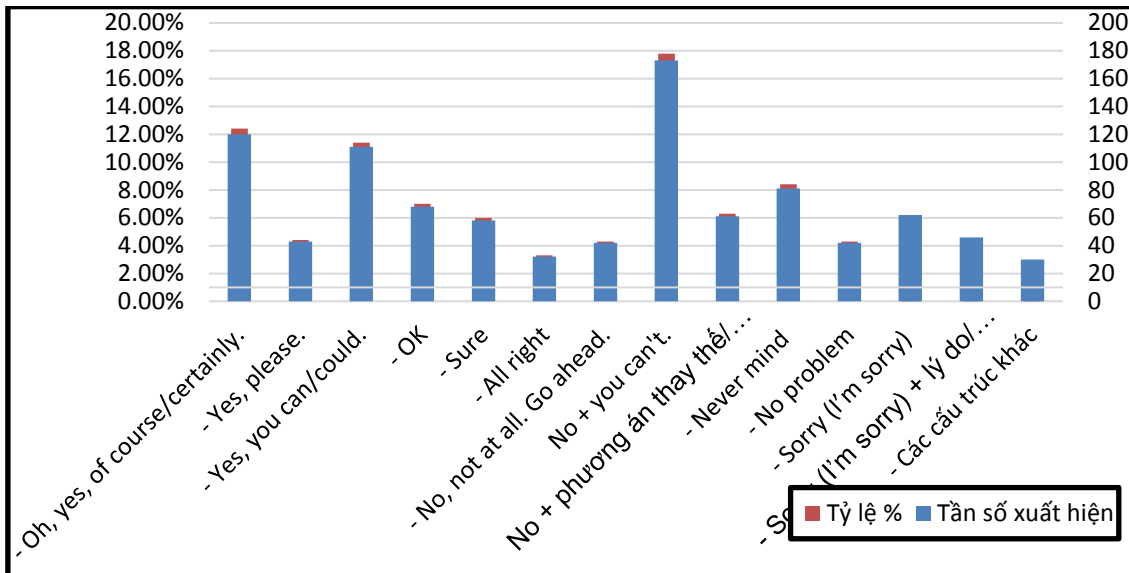
Statistical classification results in Table 2.1 b shows that the total 970 spokesperson responded in English through literature and DCT appeared very much structured to respond directly and indirectly. In direct response methods means for positive responses and negative directly indirectly with diverse structures occupy different rates. Appearing at a frequency of highest proportion is structured to respond to the answer "yes", "yes, of course" or "yes, certainly" accounted for 10.5% with 102 cases, "yes" go with the modal auxiliary verbs such as "yes, you can /could /may" have accounted for 11.4% of 111 cases, "yes, please" appears 43 cases accounted for 11%.

There are 68 cases of use of the word "OK" accounted for 7%, 58 cases with "Sure," accounted for 6%, "All right," with 32 cases, accounting for 3.3% and "No, not at all. Go ahead" with 42 schools of 4.3%. Structure direct negative responses mainly used negative word "No", "No, you can not" account for 105 cases of 10.9%, 61 cases used "No" accounted for 6.3%.

With a positive response methods indirectly, appearing mainly structured response "Never mind" and "No problem." With structure "Never mind" with 52 cases accounting for 5.4%, "No problem" with 33 cases, accounting for 3.4%. Method indirect negative responses mainly used phrase "Sorry / I am sorry" at the top spokesman, this method has accounted 12.6% of 122 cases and 87 cases, accounting for 9% use the phrase "I ' m sorry + reason "to evade the permission of the listener to mitigate threats to the speaker face and increase the level of polite conversation.

**Table 2.1b Statistical table of response structures in English through literature and DCT**

Response Utterances	Frequency	Rate %
<b>1. Direct positive responses:</b>		
- Oh, yes, of course/certainly.	120	12.4%
- Yes, please.	43	4.4%
- Yes, you can/could.	111	11.4%
- OK	68	7%
- Sure	58	6%
- All right	32	3.3%
- No, not at all. Go ahead.	42	4.3%
<b>2. Direct negative responses:</b>		
No + you can't.	173	17.8%
No + phương án thay thế/ lý do	61	6.3%
<b>3. Indirect positive responses:</b>		
- Never mind	81	8.4%
- No problem	42	4.3%
<b>4. . Indirect negative responses:</b>		
- Sorry (I'm sorry)	62	6,4%
- Sorry (I'm sorry) + reason/ alternatives	46	4,7%
- Other structures	30	3,1%
<b>Total</b>	<b>970</b>	<b>100%</b>



**Chart 2.1b Percentage Response structures in English through literature and DCT**

## 2.2. The mode of expression directly and indirectly asking for permission and responses in English

**Table 2.3 Modes of expression permission behavior and responses in English through literature and DCT**

The mode of expression asking for permission and responses in English	The numbers of utterances	Rate
1. Direct asking for permission - the direct positive response.	39/ 970	4%
2. Direct asking for permission - the direct negative response	19/970	2%
3. Direct asking for permission - the indirect positive response	10/970	1%
4. Direct asking for permission - the indirect negative response	46/970	4.7%
5. Indirect asking for permission - the direct positive response	339/970	35%
6. Indirect asking for permission - the direct negative response	320/970	33%
7. Indirect asking for permission - the indirect positive response	136/970	14%
8. Indirect asking for permission - the indirect negative response	61/970	6.3%

Results and statistical classification methods applying behavioral manifestations and responses from corpus collected in Table 2.3 shows that only 39 out of 970 spokesman for permission directly and positively respond directly accounting rate of 4%, with 19/970 spokesman for permission directly and respond directly to negative 2%, with 46 spokesman applying direct and indirect negative responses accounted for 4.7%, with 339 spokesperson permission indirect and direct

positive response of 35%, there are 320 spokesperson permission indirect and direct negative response, accounting for 33%, with 136 spokesperson indirect permission and integrated response indirect positive 14%. Results showed that native speakers rarely use the direct method to perform the acts for permission, but they tend to use the direct method to respond, to express viewpoints his agree or disagree to the interlocutor perform asking for permission.

### 2.3. The pragmatic definition involves applying behavior and responses in English

**Table 2.3 Relations with the modes of social expression in English through literature**

Social relationships	The mode of expression	Means of language
1. Parents - children	1. Indirect asking for permission - the direct positive response. 2. Indirect asking for permission - the indirect positive response 3. Direct asking for permission - the direct positive response 4. Direct asking for permission - the direct negative response	can, could, may, let
2. Friends	1. Indirect asking for permission - the direct positive response 2. Indirect asking for permission - the indirect negative response	may, can, do you mind, could you mind
3. Teachers - Students	1. Indirect asking for permission - the direct positive response 2. Indirect asking for permission - the indirect negative response	could, may
4. Bosses - employees	1. Indirect asking for permission - the direct positive response 2. Indirect asking for permission - the direct negative response 3. Indirect asking for permission - the indirect negative response	could, may

In short, in any social relation, native speakers tend to use the indirect method of expression with the modal auxiliary verb "*can*," "*could*," "*may*". That is where the culture of the West especially the English-speaking countries such as the UK, US, Westerners prefer indirect ways because in all circumstances to communicate, to speak indirectly always keep is peace, preserving the polite in communication, and save face for both the speaker and the listener, or in other words to avoid causing damage to the participants to communicate in order to achieve the ultimate goal with the successful conversation..

### 2.4. Summary

The construction concept asking for permission and responses in English based on the theoretical concepts as presented in Chapter 1, the system has collected corpus throughout the research process,

we conducted a descriptive analysis of the structure and behavior of its application and reply in English under many different angles; both in terms of form and pragmatics. Statistical results discourse central values in this chapter there is a reference value Initial basic characteristics of behavior for permission and responses in English, as the basis for solving the problems in chapter 4 when making comments on the similarities and differences of behavior applying in English to compare with asking for permission and responses in Vietnamese.

Asking for permission and responses in English were done by two methods; directly and indirectly. With each different method, applying behavior and responses have different ways of using comment on the level of pragmatics. Asking for permission directly in English is expressed through the language of the verb "*let*", "*allow/ permit*". However, this method is rarely used in English. In both sources DCT and literary corpus, we only get a few statistics use case methods. Asking for permission indirectly in English is expressed mainly through the modal auxiliary verb "*Can*", "*Could*", "*May*" constitute questionable forms. Direct positive response is indicated by words such as "*Yes*", "*Sure*", "*Of course*", "*Certainly*." Negative directly responds mainly use the word "*No*" at the beginning of the utterances. Indirect positive responses often use the words like "*Never mind*", "*No problem*", indirect negative responses mainly via word "*Sorry*", "*I'm Sorry*" and responses are many ways different indirect negative as give reasons for refusal, giving alternatives, using rhetorical questions v. v ... Meanwhile, the asking for permission and responses will make folder dialogue such as permission/ agreement; permission/ mobilization; permission/compliment; permission/promise; permission/ exclamation; permission/ denial; permission/ suspect; permission/ rejection ... In particular, the manner generally negative response to violations of the comprehensive dialogue at different levels.

## CHAPTER 3

### ASKING FOR PERMISSION AND RESPONSE IN VIETNAMESE

#### **3.1. The results of the statistical classification structures of asking for permission and responses in English through literature and discourse DCT questionnaires**

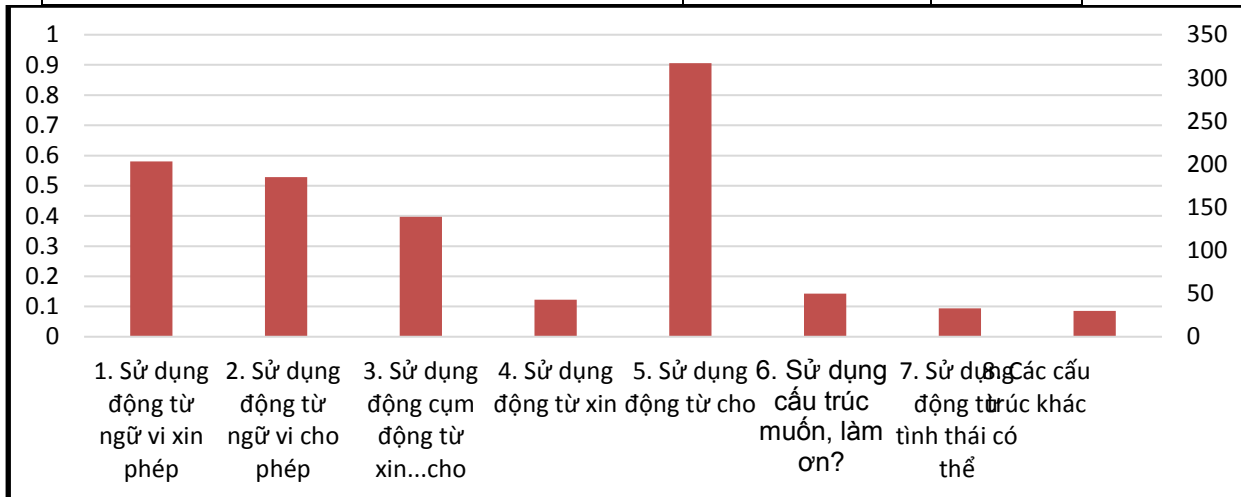
##### ***3.1.1. The results of the statistical classification structures of asking for permission through literature and applying DCT***

In total 1000 spokesperson for permission and responses in Vietnamese through literature and DCT appeared very much structured use with different proportions. Appearing with the highest percentage of active words "*cho*" and 317 cases, accounting for 31.7%. 185 cases of using the verb "*cho phép*" accounting for 18.5%, 139 cases of the verb phrase "*xin ... cho*" accounted for 13.9%, accounting for 4.3% 43 cases with the verb "*xin*", while the use of modal verbs such as "*có thể*", "*muốn*", "*làm ơn*" appears with a very low frequency, only 50 cases of 5% of the modal verb "*muốn*", "*làm ơn*" and 33 cases of use of the structure "*có thể*" account for 3.3%, the remaining 30 cases accounted for 3% rate.



**Table 3.1a Statistical table of asking for permission structures in English through literature and DCT**

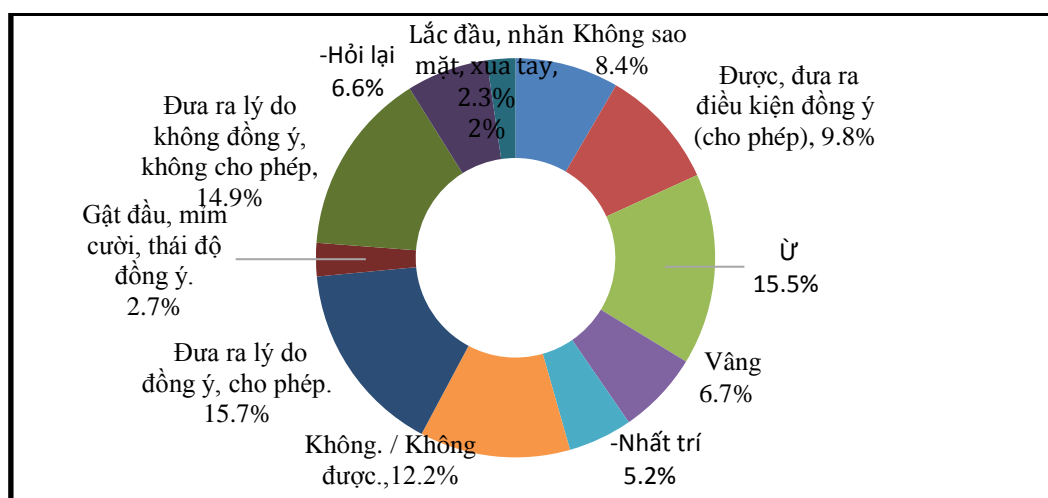
Utterances of asking for permission	Frequency	Rate %
1. Use performative verb xin phép	203	20,3 %
2. . Use performative verb cho phép	185	18,5 %
3.. Use verb xin...cho	139	13,9 %
4. Use verb xin	43	4,3 %
5. Use verb cho	317	31,7 %
6. Use structure muốn, làm ơn?	50	5,0 %
7. Use modal verb có thể	33	3,3 %
8. Use other strucures	30	3,0 %
<b>Total</b>	<b>1000</b>	<b>100 %</b>

**Chart 3.1a Percentage structures of asking for permission in English through literature and DCT****3.1.2 Results of the statistical classification response structures through literary response and DCT**

In total 1000 spokesperson our responses were collected through literature and DCT, with 640 positive responses directly and indirectly, including 456 positive responses accounted for 45.6% directly, with an area of 184 responses accounting for 18.4% indirect poles. The positive response methods directly mainly use the word "Ừ" has 155 cases, accounting for 15.5%, "Được" with 98 cases, accounting for 9.8%. Method indirect positive response has 157 cases give reasons accounted for 15.7% agreed, 27 such cases gesturing nodded, smiled, said nothing, but expressed attitude accounts for 2.7% disagree. Mode of negative responses directly and indirectly we statistically accounted for 36% 360 cases, including direct negative response has 122 cases,

**Table 3.1b Statistical table of response structures in English through literature and DCT**

Response Utterances	Frequency	Rate %
<b>1. Direct positive responses:</b>		
- Không sao	84	8.4%
- Được, đưa ra điều kiện đồng ý (cho phép)	98	9.8%
- Ừ	155	15.5%
- Vâng	67	6.7%
- Nhất trí	52	5.2%
<b>2. Direct negativeresponses:</b>		
- Không. / Không được.	122	12.2%
<b>3. Indirect positive responses:</b>		
- Đưa ra lý do đồng ý, cho phép.	157	15.7%
- Gật đầu, mỉm cười, thái độ đồng ý.	27	2.7%
<b>4. Indirect negative responses:</b>		
- Đưa ra lý do không đồng ý, không cho phép.	149	14.9%
- Hỏi lại	66	6.6%
- Lắc đầu, nhăn mặt, xua tay...	23	2.3%
<b>Total</b>	<b>1000</b>	<b>100%</b>

**Chart 3.1b Percentage Response structures in English through literature and DCT**

accounting for 12.2%, mainly respond by replying directly structure "*Không/ Không được*" 248 cases of indirect negative responses mainly give reasons disagree, disagree attitude by asking to extend the time. Or reject by using body language as shaking his head, grimaced, saying nothing but attitude seemed uncomfortable.

### 3.2. The mode of expression directly and indirectly asking for permission and responses in English

**Table 2.3 Modes of expression permission behavior and responses in English through literature and DCT**

The mode of expression asking for permission and responses in English	The numbers of utterances	Rate
---	---------------------------	------

1. Direct asking for permission - the direct positive response.	355/ 1000	35.5 %
2.Direct asking for permission - the direct negative response	100/1000	10%
3. Direct asking for permission - the indirect positive response	191/1000	19.1%
4. Direct asking for permission - the indirect negative response	113/1000	11.3%
5. Indirect asking for permission - the direct positive response	61/1000	6.1%
6. Indirect asking for permission - the direct negative response	13/1000	1.3%
7. Indirect asking for permission - the indirect positive response	23/1000	2.3%
8. Inirect asking for permission - the indirect negative response	28/1000	2.8%

Statistical results and classify the spokesman for permission and responses from corpus collected in Table 3.3.2 shows that 355 out of 1000 spokesman spokesman applying direct and immediate positive response, 35.5% occupancy rate. With this ratio, we can see that Vietnam tend to prefer to use the direct method of applying a positive and direct response when performing the acts applying in social interaction. Results showed that there 191/1000 spokesman for permission directly and positively respond directly accounted for 19.1%, with 113 spokesperson permission and indirect negative responses representing 11.3%, 100 spokesman for permission and recovery direct negative response accounted for 10%, with permission 61/1000 spokesman indirect and direct positive response, accounting for 6.1%, with permission 36/1000 spokesman indirect and direct negative responses accounted for 3.6 %, with permission 77/1000 spokesman indirect and indirect negative responses accounted 7.7%.

### 2.3. The pragmatic definition involves applying asking for permission and responses in English

**Table 2.3 Relations with the modes of social expression in English through literature**

Social relationships	The mode of expression	Means of language
1. Parents - children	1.Indirect asking for permission - the direct positive response. 2.Indirect asking for permission - the indirect positive response 3. Direct asking for permission - the direct positive response 4. Direct asking for permission - the direct negative response	cho, cho phép, xin phép

2. Friends	1. Indirect asking for permission - the direct positive response 2. Indirect asking for permission - the indirect negative response	cho, cho phép
3. Teachers - Students	1. Indirect asking for permission - the direct positive response 2. Indirect asking for permission - the indirect negative response	cho, xin phép, cho phép
4. Bosses - employees	1. Indirect asking for permission - the direct positive response 2. Indirect asking for permission - the direct negative response 3. Indirect asking for permission - the indirect negative response	cho, xin phép, cho phép

### 3.4. Summary

Chapter 3 provides a fairly clear picture, from building permission behavior concepts and Vietnamese response to the use of theoretical concepts as presented in Chapter 1, the language system data collected during the study, we conducted a descriptive analysis of the structure and behavior of its application and reply in Vietnamese under many different angles; both in terms of form and pragmatics. Statistical results discourse central values in this chapter there is a reference value Initial basic characteristics of behavior and response permission in Vietnamese.

Asking for permission and responses in Vietnamese is done by two methods; directly and indirectly. With each different method, applying behavior and responses have different ways of using comment on the level of pragmatics. Acts of direct permission of the Vietnamese is expressed through the language of the performative verbs "*cho*", "*cho phép*", "*xin phép*", "*xin...cho*", "*xin...được phép*". Indirect asking for permission in Vietnamese is done mainly through the auxiliary verb "*có thể*", "*làm ơn*", "*muốn*" to form the kind of question. Acts of direct positive response is indicated by words such as "*Được*", "*Ừ*", "*Vâng*", "*Nhất trí*", "*Không sao*". Negative behavior directly respond mainly using the word "*Không*", "*Không được*". There are many ways indirect negative responses such as giving reasons to refuse, given the alternative, using rhetorical questions v. v ... Meanwhile, the spokesman for permission and responses will make the voice pair as permission/ agreement; permission/ mobilization; permission/ compliment; permission/ promise; permission/ exclamation; permission/ denial; permission / suspect; permission / rejection ... is one of the ways to respond intelligently, without losing the delicate face of the dialogue. In it, the way negative response often face violations of the dialogue at different levels. The results obtained showed that Vietnam is little used method direct negative response because this method is easy to discredit the interlocutor and the conviction of the negative dialogue will reduce prices dialogue's value in the eyes of the people. Citing ensure courteous in communicating, so the Vietnam often use indirect methods to respond to the mobilization of various language media, to create a comfortable communication environment, pleasant between conversation participants.

The results of this study can only lead to the use permission behavior and responses in conversations achieve high communication efficiency with the conditions of implementing acts circumstances permit, method of implementing acts applying appropriate depending on the circumstances, subject to permission to perform acts that in time, the right place to achieve the highest effective communication, as well as how we respond to acts can permit photos can interfere with a positive view of the dialogue.

In this chapter, we also analyzed by using the method expression permission behavior and responses in Vietnamese with social relationships as parents - children, friends, teachers - Game and heads - employees through the corpus of literature. With these relationships different societies, different communication roles and environments have different communication methods to commit acts of applying and different responses. We will collate, compare more specific social relationships in Chapter 4 to make a comment, find out the similarities and differences of native and Vietnam in the use of methods its application and responses in different communication environment.

## CHAPTER 4

### SIMILARITIES AND DIFRENCES OF ASKING FOR PERMISSION AND RESPONSE IN ENGLISH AND VIETNAMESE

#### 4.1. Similarities

##### 4.1.1 *Comparison of the contents of asking for permission and responses in English and Vietnamese*

The first similarity that I want to mention is the content of asking for permission in English and Vietnamese. In both languages, asking for permission have the same purpose as the speaker request, please allow the listener agreed, allowing the implementation of an action says A.

The purpose of asking for permission and responses: Whether there are different ways to show how to go further on the form and structure, the purpose of the acts applying in both English and Vietnamese are no different, who said implementing a permit and behavior expected in the listener a positive response, allowing the speaker to commit acts of his permission.

(1) *Đã 2 giờ sáng rồi, xin phép bố mẹ con tranh thủ đi nằm một lát ạ.*

Ừ. [145]

Acts of direct permission of the child in this example has received positive responses from parents after the children were given a convincing reason to explain the asking for permission “đi nằm một lát” because of “đã 2 giờ sáng rồi”

(2) *Excuse me, can I get the pass?*

*Sure, go ahead. [DCT]*

In example (2), the speaker has used to speak indirectly to the use of modal verbs "can" constitute a suspicious structure to form spokeswoman permission "Can I get the pass?". The appearance of the phrase "Excuse me" makes spokesman nuances high honor polite face of the listener and the speaker's humility when making spokesman.

**Table 4.1. Content and means of vocabularies used to apply for and respond in English and Vietnamese**

Content of asking for permission	Means of vocabularies/ structures for asking and response	
	English	Vietnamese
S asks the listeners permission to perform an action A	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Use performative verbs "allow/ permit" và "let".</li> <li>- Modal verbs "can, could, may, might" and interrogative structures <i>can I...?, could I...?, do you mind...? would you mind...?, do you allow...?</i></li> <li>- Uses "please"</li> <li>- Uses "Yes" in direct positive response.</li> <li>- Use "No" in direct negative response.</li> <li>- Use "No problem", "Never mind" or giving reasons, conditions for indirect response.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Use performative verbs "xin phép, xin...được phép, xin...cho phép, cho".</li> <li>- Use modal verb "có thể".</li> <li>- Use the words "làm ơn, làm phúc".</li> <li>- Use the coral language "thưa, bẩm, báo cáo"</li> <li>- Use some modal particles "thôi, nhé ạ"</li> <li>- Use the words "Có", "Vâng", "Ừ" in direct positive response.</li> <li>- Use the word "Không" in direct negative response.</li> <li>- Giving reasons, conditions for indirect response.</li> </ul>

#### 4.1.2. Comparison of semantic aspect of asking for permission and responses in English and Vietnamese

- Asking for permission and responses in English and Vietnamese are expressed in two ways directly and indirectly with the same grammatical structure such as; the narrative, the imperative in direct form, the passive form of the performative verbs like "cho phép", "xin phép", "xin...cho phép", "xin" in Vietnamese "permit, allow", "let" in English and the interrogative sentence in the form of indirect form.

(3) *Hàng ngày, anh cho phép chúng em được gặp anh qua điện thoại.*

*Được, anh rất sẵn sàng, có gì khó khăn, chú cứ "phone" cho anh. [118, 42]*

(4) *Good morning, sir. Could you please allow me to have a day off tomorrow?[DCT]*

The spokesman for permission and responses often use personal pronouns I and We first person in English and is often subject pronouns, we in Vietnamese.

- The language of the verb "permit, allow" in English and "xin phép", "cho phép", "cho", "xin...được phép" ... in Vietnamese is always in the present tense, if the verb this issue is language in the past or on the other hand, the spokesman would not allowed to exist in the type of behavior in the form of the narrative, narrative permission behavior of someone.

(5) *Tôi đã xin phép anh ấy cho tôi ở đây một vài ngày nữa. [11, 108]*

Permission from the language issue in this example is divided in the past, so the verb "xin phép" is not a performative verb, terms of effect, this is only one sentence narration, wall acts recounted permission of the speaker and the audience to be performed acts that "cho tôi ở đây một vài ngày nữa".

### 4.1.3. Compare the language of behavior use permit and respond in English and Vietnamese

- Use the means of mitigation:

Asking for permission and responses in English and Vietnamese have shown the courtesy and the high face for both the speaker and the nghe. Trong English and Vietnamese, behavior and responses have permission to use the means of mitigation (mitigating devices) or as the means of calming permission behavior, reduce the pressure of the speaker to the listener creates when performing the acts for permission and responses. In Vietnamese, it means relief from the state is the primary head or end of the spokesperson as well, this, then, sir, do not, themselves, are a way to honor our naming words can stand for speaker, is the use of words such as coral called *thôi, này, nhé, à, chớ, cứ*, the wording of address to honor the speaker face, is how to use the word coral known as *chị ơi, bác ơi... làm ơn, làm phúc...*

(6) **Lan ơi**, hôm nay xe đạp của mình bị hỏng mình chưa sửa được. Bạn có thể cho mình mượn xe đạp của bạn được không?

Ừ, bạn cứ lấy mà đi. [DCT]

In English, the mitigating factor is using the interjection "làm ơn" (please) and expressions "Would you ...?", "Could you ...?", "Do you mind ...?". The word "please" demonstrates very high courtesy of the British, and this word also expressed goodwill, humility of the speaker while performing acts of permission, to honor the audience's face, leading to the positive response, accepting the acts permission of the speaker in the interactive dialogue.

(7) Can I **please** use your pen?

Not now, I'm using it. [95, 64]

- Use the gestures:

(8) Giá quan lớn cho phép, tôi lấy bộ cốc uống vang thì rót được nhiều hơi. Chắc quan lớn khát lắm.

Người Tây đoan mỉm cười: Tùy ông. [115, 43]

## 4.2. These differences

### 4.2.1. Comparison of semantic aspect of asking for permission and responses in English and Vietnamese

- Most of the acts applying in English is shown in the form of indirect. Meanwhile, Vietnamese people often use to speak directly with the speech act verbs such as "xin phép", "cho phép", "xin...cho phép", "xin" to perform acts permission her, verbs themselves in Vietnamese have shown that "xin phép" so courtesy of a direct expression of this makes the listener can feel their presence felt honored, and they easily accept the behavior of the speaker permission, leading to successful conversations.

(9) Tối nay bạn con tổ chức sinh nhật. Bố mẹ cho phép con về nhà muộn tí ạ.

Ừ, nhưng con nhớ không được về quá muộn. [DCT]

English is often used as the auxiliary verb "Can", "Could", "May" and phrases like "Would you mind ...?", "Do you mind ...?" in the mode of implementing the indirect asking for permission.

### 4.2.2. Compare the language of behavior use permit and respond in English and Vietnamese

4.2.2.1 Compare the rate of use of (supporting) verb to perform acts of its application and reply in English and Vietnamese society groups from the DCT.

Through the process of analysis and synthesis of questionnaires discourse from the UK can experience - Vietnamese and English - the United States, we obtained the following results:

### 1. Relationship parents - children (situations 1, 2, 6):

With relations parents - children, in terms of cross ties are blood ties, Vietnam is a nation fond of family lifestyle, the hierarchy, the hierarchy of the family is always respected, so the majority of the Vietnamese experience can choose the method applying directly to 52% using the verb "cho", 36% use the verb "Xin phép/ cho phép", only 12% use methods indirectly with the verbs "có thể, muốn". The majority of testing methods can choose to respond directly, only 25% choose indirect response. According to them, respond directly reflected the attitude, opinion and stance of parents towards their children. They allow and do not allow children to do something also very frank, straightforward.

(10) *Mẹ cho con đi xem phim với bạn tối nay ạ.*

*Ừ, đi rồi nhớ về sớm nghe con. [DCT]*

In contrast, the relationship between parents and children in the Western family very fair, children can be independent and not dependent on his parents in the family as the East. In scenario 1, 2, 6, the US can experience almost all use indirect methods to implement the spokesman for permission, 53% use "could", 20% use "can" and 27% use "may". Behavioral responses in this relationship is expressed in two ways, 48% use a direct way with the words "Yes", "No", "That's All Right", "OK" and 52% used indirect response like "No problem", "Never mind"

(11) *Can I go to the movie with some friends?*

*Yes, you can, just be back is before 10 p.m. [DCT]*

### 2. In the office environment: the boss - employees (scenario 4, 7):

With this situation, with 42% of Vietnam experience can use the verb "cho", 53% use the verb "xin phép", "xin...cho phép", only 5% use the indirect method of expression with the verb "muốn", "có thể". Results processed survey also showed that 31% can experience Vietnam using direct response and 69% using indirect response. Meanwhile 23% of Americans can experience using modal verb "can", 33% use "could", and 22% use "may". In addition, 12% can not use the test structure permission we have surveyed only give reasons for resignation as in the example (12).

(12) *Sir, I have a doctor's appointment tomorrow and I need the day off. It's a very important appointment and I can't miss it.*

*Sure, just let me reschedule you for another day.[DCT]*

### 3. In the school environment (scenario 5):

Survey results discourse questionnaires showed almost 95% of Americans use to test spokesperson "Sorry" or "Sorry, I'm late," as a sign of permission, only 5% use modal verbs use "may", "can" and "could" as a response, with 90% may experience indirect response to the phrase "no problem", "never mind" or does not say anything, but attitude agree or have signs such as nodding, waving. Meanwhile the Vietnamese people can experience almost exclusively used to speak directly to perform their permission behavior, with 79% using the verb "cho", 13% use the verb "cho phép" và "xin phép" like "Thưa cô cho em vào lớp", "Xin phép cô cho em vào lớp."

(13) *I'm sorry I'm late.*

*Come in. [DCT]*

In addition, we see a few special cases, not on the permission structures studied in the thesis. These cases fall into situations 5, 7, 8, and 9.

- Scenario 9:



Example:

*Excuse me.*

*No problem.*

In this situation, the speaker does not directly perform acts of permission is pleased to seat inside. Acts sorry "*Excuse me,*" but there is power central discourse permission. The speakers use this term, but the listener has to understand the intention of the speaker as the listener wants permission to pass through.

- Scenario 8:

Example:

*It's getting cooler outside. I'm going to open the window, OK?*

*Thank you.*

**Table 4.2 Comparison of the rate of use of (supporting) verb to perform acts of its application and reply in English and Vietnamese society groups from DCT**

English	Situations			
	Parents - children (1, 2, 6)	Bosses - Employees (4, 7)	Teachers - Students (5)	Friends (8, 9)
may	27%	22%	5%	12%
can	20%	23%	5%	51%
could	53%	33%	5%	25%
Direct response	48%	21%	10%	43%
Indirect response	52%	79%	90%	57%
Vietnamese				
cho	52%	42%	79%	75%
Xin phép/ cho phép	36%	53%	13%	5%
Muốn, có thể	12%	5%	8%	20%
Direct response	75%	31%	72%	34%
Indirect response	25%	69%	28%	66%

4.2.2.2 Compare the rate of use of the method of implementing the asking for permission and respond directly and indirectly in English and Vietnamese with social relations

#### - In English

In total 720 spokesperson we collected survey with 9 situations may test from 40 US spokespersons, only 16 spokesman for permission to use direct action - a direct positive response, accounting for 2.2%, method native speakers are often used in situations between friends together. (Scenario 3, 8, 9)

(14) *Let me borrow your bike.*

*Go ahead and be back on time. [DCT]*

The results also demonstrated that the method of applying behavioral manifestations direct - indirect negative responses appear minimal, accounting for only 0.9% 7/720 spokesman. (Scenario 8, 9)

(15) *Let me borrow your bike.*

*Next time my friend. [DCT]*

The behavioral expression methods permit direct - a direct positive response only accounted for 0.6% 5 spokesman and acts applying directly - indirect negative response with 15 spokesman, accounting for 2.1%. These two methods can be the American experience is mainly used in the office environment, among colleagues together (Scenario 6)

*(16) Let me open the window.*

*I don't want to open the window. [DCT]*

Most Americans prefer to use experimental methods applying behavioral manifestations indirect - direct positive responses in the different communication environment, there are 270 spokesman, the highest proportion in all 37.5%.

*(17) Can I stay out a little later? (Tình huống 2)*

*Yes, just make sure you call me.*

### **- In Vietnamese**

In total 720 spokesman we gathered with 9 situation from the 40 experimental investigation can Vietnam, with 288 spokesman expression using behavioral methods permit direct and immediate positive response, accounting for 40% . There are 172 spokesman expression using behavioral methods permit direct and immediate negative response, accounting for 23.8%. Both methods are the Vietnam experience can use in situations 1, 2, 4, 6, 7.

*(18) Tháng tới bố mẹ cho con tổ chức sinh nhật nhé?*

*Ừ, bố mẹ đồng ý. (Tình huống 1)*

With permission direct method and indirect negative responses appeared 104 times, accounting for 14.4%. This method mainly in situations 3, 4, 9.

*(19) Cho tớ mượn xe đạp cậu được không?(Tình huống 3)*

*Xin lỗi cậu tớ đang định đi có việc.*

Modes of expression permission behavior directly and indirectly positive response appeared 38 spokesman, representing 5.2%, mainly in situations 2, 3, 4, 7.

*(20) Tối nay con có việc, xin phép bố mẹ cho con về muộn ạ. (Tình huống 2)*

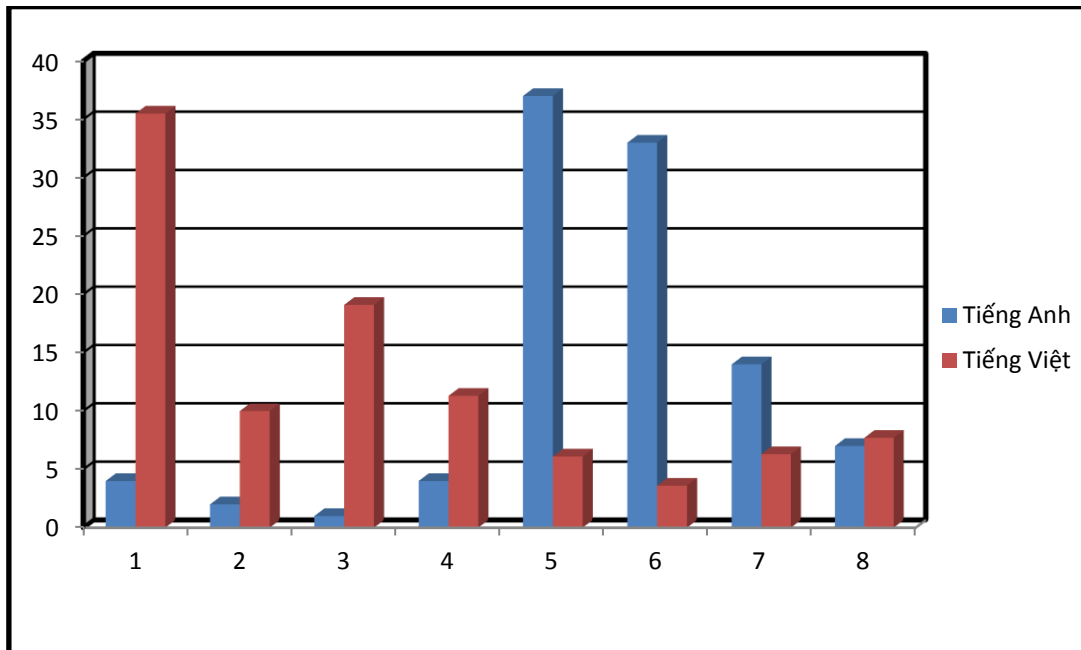
*Nhớ đừng muộn quá.*

Modes of expression indirectly permission behavior and positive response directly with 38 cases, accounting for 5.2%. 18 spokesman appeared to use behavioral methods permit expression indirect and direct negative response, accounting for 2.5%. The Vietnam experience is mainly used to these two methods in situations 7,8.

From Table 2.3 and Table 3.3, we can chart 4.2, chart comparing the ratio of expression of behavioral methods for permission and responses in English and Vietnamese.

Results Chart 4.2 again confirms our conclusion is entirely accurate, native speakers often use the expression method allows indirect behavior and respond directly and indirectly, the Vietnam backwards like to use the expression of behavioral methods for permission directly and respond directly and indirectly.

These conclusions are entirely consistent with the cultural identity of Britain and Vietnam, in favor of native speakers polite negative "*form of expression negative manner is polite, avoid causing damage to the road users next, the Vietnam inclined positive courteous*". [11, 187]



**Chart 4.2 Comparison rate modes of asking for permission and responses in English and Vietnamese**

1. Asking for permission directly - Direct positive response
2. Asking for permission directly - Direct negative response
3. Asking for permission directly - Indirect positive response
4. Asking for permission directly - Indirect negative response
5. Asking for permission indirectly - Direct positive response
6. Asking for permission indirectly - Direct negative response
7. Asking for permission indirectly - Indirect positive response
8. Asking for permission indirectly - Direct negative response

### 4.3. Permission behavior and respond with courtesy in English and Vietnamese

#### 4.3.1. Permission behavior and respond with polite in English

In terms of the behavior of the English permission-related problems and be courteous area may include all kinds of interrogative sentence started with using the modal auxiliary verb *May*, *Might*, *Can*, *Could*, *Do you mind ...?* *Would you mind ... ?*. The modal verbs are the modal means of expression marked the highest level of courteous in asking for permission in English.

Most of the acts applying in English is shown in the form of indirect. So, courtesy of the acts applying in English is generally higher than in Vietnamese, it makes the listener feel their face to be honored, and they easily accept the permission of behavior speakers

(23) *Could I be excused from the meeting early?*

*Yes, you may. [DCT]*

In addition, the interjection "*please*" is also used expressing high courtesy of the British, and this word also expressed goodwill, humility of the speaker when performing the acts permission of the speaker while honoring the listener's face, and led to the positive response, accepting the acts permission of the speaker in the interactive dialogue as in the example (24).

(24) A: *Could I please speak to you? It's important.*

B: *Never mind.* [93, 36]

### 4.3.2. Asking for permission and respond with courtesy in Vietnamese

- Use of vocative

First of all, can assert that Vietnam usually use the term from the coral not only to honor the audience's face, but also confirms the courtesy of behavior and allow permission as well as create brand positive results for the behavior of this communication.

(25) *Thưa sếp, sếp cho phép chúng em được chuyển bộ máy phát điện này xuống phòng thực nghiệm.*

*Được, các cậu nhớ cẩn thận một chút.* [41, 92]

In conversations at the example (25) between the uncle and nephew, the social status of two people to have the lead, has promoted nephew uncle's face, and proved very respectful and humble while performing their acts with permission from "*bẩm*" and the language usage of the verb "*cho phép*". The uncle's response, by contrast, is an indirect negative responses, somewhat coldly, "*Thím không có ở đây đâu..*"

### 4.4. Summary

In this chapter, we have conducted comparative "permission behavior and responses in English and Vietnamese" under many different angles to find out the similarities and differences. Permission behavior and responses in English and Vietnamese have many similarities in structure and pragmatics semantics. In both English and Vietnamese are using the strategies directly and indirectly with the grammatical structures similar.

In terms of language use, both languages are used mitigation means, using body language, or by silence only to perform acts of its application and reply in the direction of negative or pole depending on each case, specific social situations.

1. Initially, we have examined how to use the direct method of expression and indirect permission behavior and responses in English and Vietnamese through a questionnaire with 9 predefined social situations. Native speakers tend to use the method of its application and indirect response but depending on social situations that they have the strategic use of media in different languages to create positive effects in communication next. With the situation in the DCT, native speakers tend to use modal auxiliary verb "could" in formal situations, rituals and honor to be the person's face in situations like 4, 7 ( employer - employee) or situations 5 (he, she - students). With two social relations parent - child and friends, colleagues, their choice is using the auxiliary verb "*can*", auxiliary verb makes intimate conversations take place, there is little distance between the participants communicate.

2. Conduct allows polite behavior related to its application and reply in English and Vietnamese, we have step by step analysis of the relationship of behavior and response permission in English and Vietnamese , these factors make the spokesperson for permission and courteous responses anonymous high, the English often use indirect strategies with auxiliary verb "*may, might, can, could*" go with the word "*please*" , while Vietnam with a long cultural tradition, courtesy has become a spiritual food indispensable for the conduct of Vietnam, the Vietnam often have the "*Lời nói cao hơn mâm cỗ*". This shows that people in Vietnam often use words subtle, humble when performing the acts applying to achieve positive results, the positive response in the communication.

## CONCLUSION

1. From the construction of the concept of asking for permission and responses in English and Vietnamese, with the use of conceptual tools of behavioral theory and theoretical language conversation, the corpus system has gathered, conducted thesis describes the structure of behavior and response permission in English and Vietnamese on a fairly complete and concise.

2. The survey identifies the specific criteria for applying behavior and responses in English and Vietnamese and the criteria to classify them. The thesis describes the means and methods express permission behavior and responses on the basis of expression of intent form for permission and respond directly and indirectly. Permission behavior and responses directly with the core component is the speech act verbs such as "*xin phép, cho phép, xin...cho, cho*"... in Vietnamese, the language issue verbs such as "*permit, allow, let*" in the structure in question, or passive command of English. Asking for permission indirectly includes modal verbs "*can, could, may, might*" and the questionable structures "*Would you mind ...?*", "*Do you mind ...?*" in English, the Vietnamese often use the words like "*làm ơn, muốn, có thể*" ... Direct responses in English include words such as "*Yes*", "*Yes, certainly*", "*of course*," and "*No*" to refuse. Indirect responses in English include the words "*Never mind*", "*No problem*" express permission and give the reason, the delay method shown denial, not allowed.

3. Asking for permission and responses is the realization of language expression of its application and respond in conversation. Participate as a voice introduction, asking for permission received positive responses and negative is very diverse, and formed into pairs such permission dialog/ disagree; permission/ mobilization; permission/ compliment; permission/ promise; permission/ exclamation; permission/ denial; permission/ suspect; permission/ reject ...

4. The method of indirect expressions native speakers use is common, while Vietnam who prefer to use the method of direct expression to perform permission behavior and responses, this is the culture difference of the two nations England and Vietnam. The English are very polite and respectful of participants face communication, so they often choose to speak indirectly to avoid losses to the listener, while honoring face for the participants communicate. In contrast, Vietnam who prefer to use the direct method to perform permission behavior and responses. "*This is a very basic difference stems mainly from differences in culture and language which bears the characteristics of the cultural differences in favor of" individual - negative (Western) culture " community - positive "(Oriental)" [11, 133]*

According Siriwong Hongsawan (2010) [43, 202] "*The Vietnam methods use indirect negative responses mainly because Vietnamese prefer insinuating way, meandering (not directly on the issue) more direct way of speaking. The most striking feature of Vietnam's human personality emotional weight, do not want to offend the other person, or they do not want to embarrass the speaker directly. for either refuse to allow while maintaining good relations (in many cases).*"

**LIST OF WORKS BY AUTHOR RELATED TO THE THESIS**

1. Typical syntax and pragmatics of asking for permission in English and Vietnamese - Journal of Science and Technology of the University of Quang Binh 2/2014.
2. Asking for permission - from the perspective of politeness and face in English and Vietnamese - Journal of Language and Life No. 11/2015.
3. The methods of applying behavioral manifestations and direct responses in English and Vietnamese - Journal of Science and Education of the National University of Education Hue 1/2016.
4. Speech act of asking for permission: A study of politeness strategies of English and Vietnamese - 12th Annual TESOL Conference Cam (International Conference Cam (Cambodia) TESOL 12th). (có thư mời báo cáo)